



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 22 + 23

Ngày 01 tháng 4 năm 2015

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

- 04-3-2015 - Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện quận Bình Tân ban hành kèm theo Quyết định số 01/2012/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân. 4
- 04-3-2015 - Chỉ thị số 01/2015/CT-UBND về công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân; Tuyển sinh quân sự; công tác xây dựng, huấn luyện và kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên năm 2015. 7

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

- 09-3-2015 - Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ban hành kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh và ngân sách huyện năm 2015; Chương trình công tác của UBND huyện năm 2015. 15

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 04-3-2015 - Quyết định số 932/QĐ-UBND về ban hành Quy chế quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán Quỹ bảo trì đường bộ Thành phố Hồ Chí Minh. 33
- 05-3-2015 - Quyết định số 951/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh. 46
- 06-3-2015 - Quyết định số 985/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch công tác pháp chế năm 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 68

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

- 03-3-2015 - Quyết định số 738/QĐ-UBND về việc công bố danh mục văn bản hết hiệu lực toàn bộ năm 2014. 74

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

- 24-02-2015 - Quyết định số 332/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 12 hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2014. 78

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC

- 06-02-2015 - Quyết định số 01/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND ngày 09/5/2014 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về quy định các nhóm hàng, mặt hàng không được kinh doanh trên một số tuyến đường xung quanh các chợ. 82

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

- 27-01-2015 - Quyết định số 480/QĐ-UBND về công bố danh mục văn bản hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2015. 84

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN****ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2015/QĐ-UBND

*Bình Tân, ngày 04 tháng 3 năm 2015***QUYẾT ĐỊNH**

Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện quận Bình Tân ban hành kèm theo Quyết định số 01/2012/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đã được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19 tháng 9 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Bệnh viện;

Căn cứ Quyết định số 36/2007/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Bệnh viện quận Bình Tân trực thuộc Ủy ban nhân dân quận Bình Tân;

Căn cứ Quyết định số 01/2012/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện quận Bình Tân;

Xét đề nghị của Giám đốc Bệnh viện quận Bình Tân tại Tờ trình số 64/TTr- BV ngày 14 tháng 01 năm 2015 và của Trưởng phòng Nội vụ quận tại Tờ trình số 221/TTr- NV ngày 27 tháng 02 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện quận Bình Tân ban hành kèm theo Quyết định số 01/2012/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân, như sau:

1. Sửa đổi Khoản 2 Điều 2:

“2. Đào tạo cán bộ y tế:

- Bệnh viện là cơ sở thực hành để đào tạo cán bộ y tế ở bậc đại học và trung học;
- Tổ chức đào tạo liên tục cho các thành viên trong bệnh viện và tuyển dưới để nâng cao trình độ chuyên môn.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4:

“Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Các phòng chức năng:

- Phòng Kế hoạch tổng hợp;
- Phòng Vật tư thiết bị y tế;
- Phòng Tổ chức cán bộ;
- Phòng Hành chính quản trị;
- Phòng Tài chính kế toán;
- Phòng Điều dưỡng.

2. Các khoa:

- Khoa Khám bệnh;
- Khoa Cấp cứu;
- Khoa Hồi sức Tích cực - Chống độc;
- Khoa Nội tổng hợp 1;
- Khoa Nội tổng hợp 2;
- Khoa Nội tổng hợp 3;
- Khoa Nội tổng hợp 4;
- Khoa Ngoại tổng hợp 1;
- Khoa Ngoại tổng hợp 2;

- Khoa Nhi 1;
- Khoa Nhi 2;
- Khoa Phụ sản;
- Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn;
- Khoa Dược;
- Khoa Y học cổ truyền;
- Khoa Chẩn đoán hình ảnh;
- Khoa Dinh dưỡng;
- Khoa Gây mê hồi sức;
- Khoa Tai - mũi - họng;
- Khoa Mắt;
- Khoa Hóa sinh;
- Khoa Vi sinh;
- Khoa Ung bướu;
- Khoa Huyết học truyền máu;
- Khoa Chấn thương Chỉnh hình.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Giám đốc Bệnh viện quận Bình Tân, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Văn Chính

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2015/CT-UBND

Bình Tân, ngày 04 tháng 03 năm 2015

CHỈ THỊ

**Về công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ,
phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân;
Tuyển sinh quân sự; công tác xây dựng, huấn luyện và kiểm tra
sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên năm 2015**

Căn cứ Chỉ thị số 32/2014/CT-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân; Tuyển sinh quân sự; công tác xây dựng, huấn luyện và kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên năm 2015.

Năm 2014, quận Bình Tân đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu của Thành phố giao về công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân; công tác tuyển sinh quân sự; công tác xây dựng, huấn luyện và kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên, bảo đảm theo yêu cầu chỉ tiêu nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới. Tuy nhiên, quá trình thực hiện vẫn còn một số mặt hạn chế như: công tác đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ và quân nhân dự bị; điều động huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên. Để thực hiện tốt công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân; công tác tuyển sinh quân sự; công tác xây dựng, huấn luyện và kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên năm 2015; thực hiện quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu gọi công dân nhập ngũ và phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân. Ủy ban nhân dân quận yêu cầu lãnh đạo các cơ quan, đơn vị ban ngành, đoàn thể quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường nghiêm túc triển khai thực hiện một số công việc sau đây:

1. Ban Chỉ huy quân sự quận Bình Tân:

- Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân quận và Hội đồng Nghĩa vụ quân sự quận ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai đến các cơ quan, ban ngành, đoàn thể quận có liên quan và Ban Chỉ huy quân sự 10 phường tổ chức triển khai thực hiện đúng quy trình tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ; Công tác tuyển sinh quân sự; công tác xây dựng, huấn luyện và kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên và phối hợp với các ngành chức năng kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm Luật Nghĩa vụ quân sự và Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên; Tổ chức hiệp đồng chặt chẽ với các đơn vị nhận quân thống nhất kế hoạch giao nhận quân nghĩa vụ quân sự và đơn vị nhận nguồn thống nhất thời gian, địa điểm tập trung huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên bảo đảm hoàn thành chỉ tiêu năm 2015.

- Phối hợp chặt chẽ với Công an quận trong việc đăng ký, quản lý nguồn công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ; quân nhân dự bị tại địa phương để thực hiện tốt công tác tổng điều tra lực lượng dự bị động viên và phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân theo chỉ tiêu của Ủy ban nhân dân Thành phố giao.

- Căn cứ chỉ tiêu của Bộ Tư lệnh Thành phố giao cho quận năm 2015, tham mưu Ủy ban nhân dân quận giao chỉ tiêu pháp lệnh về công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân đối với 10 phường kể cả chỉ tiêu đảng viên trẻ nhập ngũ năm 2015.

- Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận và các Ban ngành, đoàn thể quận, Hội đồng Nghĩa vụ quân sự 10 phường tổ chức thực hiện tốt công tác vận động tuyên truyền trong nhân dân về Luật Nghĩa vụ quân sự, Nghị định số 120/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu; Tổ chức đón tiếp và tạo điều kiện cho quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự thường trực trở về địa phương sớm có việc làm ổn định; kịp thời chăm lo chính sách hậu phương quân đội, nhất là những gia đình thật sự khó khăn có con em đang tại ngũ và chuẩn bị nhập ngũ an tâm công tác và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Phối hợp với Phòng Nội vụ quận, tham mưu Ủy ban nhân dân quận ban hành quyết định kiện toàn Hội đồng Nghĩa vụ quân sự quận; phân công thành viên Hội đồng Nghĩa vụ quân sự quận phụ trách phường nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động bảo đảm hoàn thành công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2015 đạt chỉ tiêu 100% ở 2 cấp.

- Kết thúc giao quân, tổ chức rút kinh nghiệm ở 2 cấp và tham mưu Ủy ban nhân dân quận mở hội nghị tổng kết. Đề nghị biểu dương khen thưởng những đơn vị, cá nhân và gia đình tiêu biểu có thành tích tốt trong quá trình triển khai thực hiện công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2015.

- Căn cứ kết quả thực hiện chỉ tiêu pháp lệnh và chỉ tiêu gọi Đảng viên trẻ nhập ngũ năm 2015, để tính điểm bình xét thi đua khen thưởng trong năm của từng đơn vị.

2. Công an quận:

- Chỉ đạo và hướng dẫn Công an phường phối hợp với Ban Chỉ huy quân sự phường quản lý nắm chắc công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ; quân nhân dự bị tại địa phương theo Hướng dẫn liên ngành 102/HD-LN ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Quân sự - Công an - Giao thông Công chánh Thành phố; ưu tiên lấy nguồn tuyển chọn từ công dân đã đăng ký và quản lý nghĩa vụ quân sự năm 2015; Chịu trách nhiệm tổ chức xác minh chặt chẽ về lai lịch chính trị, đạo đức, học vấn, gia cảnh gia đình và bản thân của những công dân chuẩn bị gọi nhập ngũ để kết luận chính xác theo Thông tư liên tịch số 76/2006/TTLT-BQP-BCA ngày 03 tháng 5 năm 2006 của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an; Đồng thời phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ huy quân sự quận có kế hoạch thực hiện tốt công tác bảo vệ an toàn các địa điểm tập trung khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự, Lễ giao nhận quân, Hội trại tòng quân và phối hợp với các ngành liên quan xử lý nghiêm số công dân vi phạm Luật Nghĩa vụ quân sự theo quy định của pháp luật; phối hợp tuyển chọn công dân phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an đủ chỉ tiêu được giao, bảo đảm chất lượng theo quy định, góp phần hoàn thành chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân; công tác tuyển sinh quân sự; công tác xây dựng, huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên.

- Rà soát, tuyển chọn và báo cáo số chiến sĩ công an sau khi hoàn thành nhiệm vụ có thời hạn đủ tiêu chuẩn về Công an Thành phố để tuyển dụng vào ngành công an theo quy định.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch quận:

Hướng dẫn Ủy ban nhân dân phường và các đơn vị có liên quan xây dựng dự toán bảo đảm kinh phí phục vụ cho công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân; công tác tuyển sinh quân sự; công tác xây dựng, huấn luyện và kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến

đầu lực lượng dự bị động viên năm 2015. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Ban Chỉ huy quân sự quận xây dựng, triển khai thực hiện hoàn thành chỉ tiêu nhiệm vụ được giao.

4. Phòng Văn hóa và Thông tin quận, Trung tâm Văn hóa - Thể dục Thể thao quận:

Phối hợp với Ban Chỉ huy quân sự quận, Quận đoàn thực hiện tốt việc tổ chức trang trí địa điểm Hội trại tòng quân, lễ giao nhận quân trang trọng, chu đáo, tiết kiệm, tạo khí thế sôi nổi trong ngày hội tòng quân. Đồng thời phối hợp với các ban ngành, đoàn thể quận có liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân, cán bộ, Đảng viên về Pháp lệnh lực lượng dự bị động viên và Luật Nghĩa vụ quân sự, nhất là đối với công dân nam trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ, nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ của công dân, gia đình đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời thông suốt về Luật Nghĩa vụ quân sự, Nghị định số 120/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu và truyền thống Quân đội nhân dân Việt Nam.

5. Phòng Y tế quận:

Chủ trì, phối hợp với Ban Chỉ huy quân sự quận thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ Thông tư liên tịch số 36/2011/TTLT-BYT-BQP ngày 17 tháng 10 năm 2011 của Bộ Y tế - Bộ Quốc phòng về hướng dẫn khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự. Tham mưu Ủy ban nhân dân quận chỉ đạo Bệnh viện quận Bình Tân, Trung tâm Y tế Dự phòng quận kiện toàn, củng cố đủ thành phần Hội đồng khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự; có kế hoạch tập huấn hướng dẫn cho Hội đồng khám sức khỏe, đoàn khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự quận, cán bộ y tế phường; Tổ chức kiểm tra sức khỏe cho số quân nhân dự bị và sơ tuyển, khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự; thành lập Tổ tư vấn tổ chức xét nghiệm HIV và chất gây nghiện cho 100% số công dân đạt sức khỏe trúng tuyển nghĩa vụ quân sự (quá trình thực hiện phải tuân thủ theo Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS)). Riêng việc khám sức khỏe công dân phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân thực hiện theo các quy định của Bộ Công an.

6. Bệnh viện quận Bình Tân:

- Phối hợp với Phòng Y tế, Trung tâm Y tế dự phòng, Ban Chỉ huy quân sự quận tổ chức khám sức khỏe cho công dân đủ điều kiện, tuyển sinh quân sự và số

quân nhân dự bị trước khi huấn luyện; bảo đảm kết luận chính xác theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 36/2011/TTLT-BYT-BQP ngày 17 tháng 10 năm 2011 của Bộ Y tế - Bộ Quốc phòng về hướng dẫn khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự và không tuyển công dân có khúc xạ về mắt (cận thị, viễn thị) theo Thông tư số 167/2010/TT-BQP ngày 19 tháng 11 năm 2010 của Bộ Quốc phòng về việc quy định tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hàng năm; phối hợp với Phòng Y tế, Trung tâm Y tế dự phòng quận giải thích khi có trường hợp thanh niên và gia đình khiếu nại, thắc mắc về sức khỏe. Thực hiện kiểm tra xét nghiệm HIV và chất gây nghiện cho 100% số công dân trúng tuyển, kịp thời phát hiện những trường hợp nhiễm HIV, loại khỏi danh sách trúng tuyển.

- Riêng việc khám sức khỏe phục vụ cho công tác tuyển chọn công dân phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân thực hiện theo các quy định của Bộ Công an.

7. Phòng Tư pháp quận:

Phối hợp Ban Chỉ huy quân sự quận, Công an quận rà soát các văn bản quy phạm pháp luật đối với lĩnh vực quốc phòng, phối hợp đề xuất Ủy ban nhân dân quận chấn chỉnh kịp thời những vướng mắc hoặc kiến nghị cấp trên giải quyết nếu không thuộc thẩm quyền. Đồng thời cùng với ban ngành đoàn thể quận tổ chức tuyên truyền Luật Nghĩa vụ quân sự, Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên sâu rộng trong quần chúng nhân dân, đặc biệt là công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ.

8. Phòng Giáo dục và Đào tạo quận:

Phối hợp với các trường Trung cấp chuyên nghiệp, Cao đẳng nghề, Trung học nghề, Trung học phổ thông trên địa bàn quận cung cấp danh sách nam học sinh, sinh viên trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ (tuổi từ đủ 18 đến hết 25) đang học ở các trường, đã tốt nghiệp ra trường hoặc thôi học về Ban Chỉ huy Quân sự quận đúng thời gian theo Thông tư liên tịch số 175/2011/TTLT-BQP-BGDĐT ngày 13 tháng 9 năm 2011 của liên Bộ Quốc phòng và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về việc tạm hoãn gọi nhập ngũ và miễn gọi nhập ngũ thời bình đối với công dân nam trong độ tuổi nhập ngũ và Thông tư liên tịch số 13/2013/TTLT-BQP-BGDĐT ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Bộ Quốc phòng và Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 175/2011/TTLT-BQP-BGDĐT, tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương quản lý chặt chẽ nguồn công dân trong độ

tuổi sẵn sàng nhập ngũ nhằm phục vụ công tác xét duyệt tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an và phối hợp thực hiện tốt công tác tuyển sinh quân sự.

9. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận:

Phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân 10 phường căn cứ vào các văn bản pháp luật hiện hành, phối hợp chặt chẽ cùng các ngành liên quan giải quyết tốt các chế độ đối với thanh niên thi hành nghĩa vụ quân sự, quân nhân tại ngũ và lực lượng dự bị động viên; có kế hoạch chăm lo tốt chính sách hậu phương Quân đội, tạo việc làm đối với quân nhân xuất ngũ, kịp thời giải quyết những trường hợp gia đình có con em chuẩn bị nhập ngũ và đang phục vụ tại ngũ gặp khó khăn sớm ổn định cuộc sống.

10. Đề nghị Quận đoàn:

Phối hợp với Đoàn cơ sở 10 phường tuyển chọn thanh niên trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ thực hiện tốt công tác giáo dục bồi dưỡng kết nạp đoàn cho công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ, giới thiệu đoàn viên ưu tú và đề nghị xem xét kết nạp đảng, tạo nguồn cử tuyển đảng viên trẻ nhập ngũ năm 2015; chủ trì, phối hợp với Ban Chỉ huy quân sự quận và các ban ngành, đoàn thể quận xây dựng thống nhất nội dung, chương trình Hội trại tòng quân và triển khai thực hiện đúng theo quy định của Quân khu và Thành phố, quận.

11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, Liên đoàn Lao động, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Trung tâm Y tế dự phòng quận:

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được phân công, phối hợp với Ban Chỉ huy quân sự quận (cơ quan thường trực Hội đồng Nghĩa vụ quân sự quận), Công an quận, lãnh đạo các ngành, các cấp, các tổ chức, đơn vị có liên quan thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình. Đồng thời phối hợp với thành viên Hội đồng Nghĩa vụ quân sự quận và 10 phường tổ chức tuyên truyền vận động công dân chấp hành tốt Luật Nghĩa vụ quân sự, Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên; kịp thời động viên lực lượng dự bị động viên làm tròn nhiệm vụ khi có lệnh điều động tập trung huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu; Thực hiện tốt chăm lo chính sách hậu phương quân đội; Giáo dục cán bộ, công nhân viên, hội viên ngành mình gương mẫu chấp hành Luật Nghĩa vụ quân sự, Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ được giao, đặc biệt là tinh thần tình nguyện, tự giác nêu gương của gia đình, tuổi trẻ quận tham gia nghĩa vụ quân sự, Công an,... góp phần bảo vệ Tổ quốc.

12. Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường:

- Tổ chức xét duyệt chặt chẽ, công bằng đúng luật định và quản lý tốt nguồn công dân sẵn sàng gọi nhập ngũ; trên cơ sở chỉ tiêu pháp lệnh được quận giao, dự kiến tỉ lệ phát lệnh dự phòng cấp mình và giao chỉ tiêu cho các khu phố quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ tuyển quân năm 2015.

- Phối hợp ban ngành, đoàn thể phường tập trung làm tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân, đặc biệt là công dân thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự; tổ chức chu đáo việc “công khai bình nghị”, thực hiện tốt kế hoạch bình cử, công khai tại địa phương và tổ chức sơ tuyển sức khỏe số thanh niên đủ điều kiện gọi nhập ngũ; làm cơ sở cho việc phát lệnh gọi nhập ngũ chính xác, công bằng; đồng thời chỉ đạo thành viên Hội đồng Nghĩa vụ quân sự phường thực hiện tốt “Hội trại tòng quân”.

- Phân công cụ thể từng thành viên Hội đồng Nghĩa vụ quân sự phường kết hợp cùng ban ngành, đoàn thể chịu trách nhiệm quản lý chặt chẽ quân nhân dự bị, nguồn công dân đảm bảo thực hiện tốt các chỉ tiêu về kiểm tra sẵn sàng chiến đấu, tập trung huấn luyện; tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân năm 2015.

- Trên cơ sở nguồn công dân trong độ tuổi được quản lý, Ủy ban nhân dân phường chỉ đạo tuyên truyền vận động và tạo điều kiện tuyển chọn công dân phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân theo chỉ tiêu của Ủy ban nhân dân quận giao năm 2015.

- Tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm ngay sau giao quân, đánh giá nguyên nhân mặt mạnh - yếu và tổng kết khen thưởng, biểu dương những gương điển hình tiêu biểu nhằm động viên tinh thần thi đua trong nhân dân về việc thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự, đồng thời phối hợp Ban Chỉ huy quân sự quận đề xuất xử lý đối với những trường hợp cố tình trốn tránh thi hành nghĩa vụ quân sự (nếu có).

- Chủ trì, phối hợp với các đoàn thể phường thực hiện tốt việc xác định nguồn đảng viên trẻ nhập ngũ (lưu ý về sức khỏe), bồi dưỡng và tổ chức kết nạp đảng viên mới theo quy định, đảm bảo năm 2015 từng phường hoàn thành chỉ tiêu gọi nhập ngũ đảng viên có thời gian kết nạp từ 6 tháng trở lên (chỉ tiêu của Thành phố đảng viên đạt 2% trở lên). Giao quân chất lượng cao có tỷ lệ thanh niên trình độ học vấn phần đầu tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học từ 25% trở lên; sức khỏe loại 1, loại 2 đạt từ 70% trở lên.

Năm 2015, quận Bình Tân tiếp tục thực hiện tuyển quân tròn khâu, tuyển người nào, chắc người đó, không bù đổi; Nâng cao chất lượng giao quân về tỉ lệ cử đảng viên nhập ngũ, sức khỏe và trình độ học vấn. Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt thực hiện Công văn số 3503/UBND-PCNC ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về nâng cao chất lượng công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ đợt 2 năm 2014.

Ủy ban nhân dân quận đề nghị thành viên Hội đồng Nghĩa vụ quân sự quận phối hợp với Ban Chỉ huy quân sự quận (cơ quan thường trực Hội đồng Nghĩa vụ quân sự quận), Công an quận, lãnh đạo các ngành, các cấp, các tổ chức, đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này để góp phần hoàn thành thắng lợi công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân; công tác tuyển sinh quân sự; công tác xây dựng, huấn luyện và kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên năm 2015.

Chỉ thị này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Văn Chính

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2015/QĐ-UBND

*Củ Chi, ngày 09 tháng 3 năm 2015***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh và ngân sách huyện năm 2015; Chương trình công tác của UBND huyện năm 2015.****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI**

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 06/01/2015 của UBND thành phố về kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách thành phố, chương trình công tác của UBND thành phố năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 22-NQ/HU ngày 22/12/2014 Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ huyện lần thứ 20 khóa X về phương hướng, nhiệm vụ năm 2015;

Căn cứ chương trình làm việc năm 2015 của Huyện ủy và Ban Thường vụ Huyện ủy (khóa X) tại văn bản số 45-CTr/HU, ngày 29/12/2014 của Huyện ủy;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng UBND huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh và ngân sách huyện năm 2015; Chương trình công tác của UBND huyện năm 2015.

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị, phòng ban của huyện, căn cứ thẩm quyền chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và nội dung Kế hoạch này để xây dựng chương trình hành động cụ thể của đơn vị.

Điều 3. UBND các xã, thị trấn căn cứ nội dung kế hoạch của huyện xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh và ngân sách của xã, thị trấn thông qua HĐND xã, thị trấn, để trình duyệt theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng các đơn vị, phòng ban và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Minh Tấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

**Chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh
và ngân sách huyện năm 2015; Chương trình công tác của UBND
huyện năm 2015.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 3 năm 2015
của UBND huyện Củ Chi)*

Năm 2015, là năm đặc biệt quan trọng, cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo với quyết tâm chính trị thật cao, đạt kết quả cao nhất Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố 05 năm 2011 - 2015, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X giai đoạn 2010 - 2015, trong điều kiện kinh tế thế giới và trong nước dự đoán tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức, tiềm ẩn nhiều yếu tố không ổn định và khó khăn trong tăng trưởng kinh tế. Huyện Củ Chi tiếp tục phát huy tinh thần năng động, sáng tạo, phát huy tiềm năng, thế mạnh, tích cực triển khai thực hiện các chủ trương chỉ đạo của Trung ương và thành phố, phấn đấu hoàn thành thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện năm 2015.

Quán triệt Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 06/01/2015 của UBND thành phố về Ban hành kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách thành phố năm 2015; Chương trình công tác của UBND thành phố năm 2015; Nghị quyết số 22-NQ/HU ngày 22/12/2014 Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ huyện lần thứ 20 khóa X về phương hướng, nhiệm vụ năm 2015; Chương trình làm việc năm 2015 của Huyện ủy và Ban Thường vụ Huyện ủy (khóa X).

Nay UBND huyện xây dựng kế hoạch chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa-xã hội, quốc phòng - an ninh và ngân sách huyện năm 2015; Chương trình công tác của UBND huyện năm 2015, nội dung như sau:

A. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH:

I. TIẾP TỤC DUY TRÌ VÀ ĐẨY MẠNH TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ: Tạo sự chuyển biến mạnh về chất lượng, hiệu quả và hướng phát triển bền vững. Phấn đấu giá trị sản xuất toàn ngành tăng 18,48% so cùng kỳ, trong đó:

Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 20,24%; Giá trị sản xuất TM - DV tăng 18,4%; Giá trị sản xuất Nông nghiệp tăng 8,25% so với năm 2014. Giao thủ trưởng các phòng ban, chủ tịch UBND các xã - thị trấn tổ chức thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Phòng Kinh tế huyện:

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 20/3/2013 của UBND thành phố ban hành quy định về khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2013 - 2015, và Quyết định 5930/QĐ-UBND của UBND thành phố về phê duyệt quy hoạch sản xuất nông nghiệp TP.HCM đến năm 2020 và tầm nhìn 2025; nâng cao hiệu quả sử dụng đất, góp phần nâng cao thu nhập và đời sống của người dân.

- Tiếp tục thực hiện kế hoạch của UBND thành phố thực hiện Chương trình hành động số 43-CTr/TU ngày 20/10/2008 của Thành ủy về Nông nghiệp - nông dân - nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá X.

- Tiếp tục nâng chất các tiêu chí xã nông thôn mới Tân Thông Hội, Thái Mỹ và các xã đã đạt 19 tiêu chí. Hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới đối với các xã còn lại.

- Tiêm phòng gia súc kịp thời và đạt tỷ lệ trên 80% tổng đàn, tránh hiện tượng dịch bệnh gia súc phát sinh; không để xảy ra tình trạng kinh doanh gia cầm, thủy cầm sống trái phép trên địa bàn; đào tạo và nâng cao tay nghề cho lực lượng thú y huyện. Tỷ lệ diện tích che phủ rừng và cây xanh phân tán quy đổi trên tổng diện tích tự nhiên 40,3%.

- Tham mưu cho UBND huyện tổ chức gặp gỡ, đối thoại các doanh nghiệp nhằm tháo gỡ khó khăn, giới thiệu và kêu gọi đầu tư theo quy hoạch và định hướng phát triển của huyện.

- Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh ở các xã, thị trấn đạt 100%.

2. Phòng Quản lý đô thị huyện:

- Thực hiện việc lập quy định, quy chế quản lý về mặt quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện đối với 52 đồ án quy hoạch chi tiết (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư đô thị và 10 đồ án quy hoạch chi tiết (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/5000 Khu nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái và dân cư nhà vườn ven sông Sài Gòn trên địa bàn huyện, 72 đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 điểm dân cư nông thôn của 18 xã nông thôn mới. Rà soát các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng trên địa bàn huyện để có hướng cập nhật điều chỉnh phù hợp, đảm bảo quy hoạch khả thi, phù hợp thực tế.

- Kiểm tra, giám sát, chống thất thoát, lãng phí, đảm bảo chất lượng công trình. Quản lý duy tu và chăm sóc hoa viên, cây kiểng.

- Phối hợp kiểm tra, xử lý các công trình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn huyện. Tổ chức thực hiện các Quyết định hành chính có hiệu lực pháp luật đạt từ 90% trở lên.

- Phối hợp các ban, ngành liên quan tham mưu thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai, lụt bão, cứu hộ, cứu nạn. Xử lý có hiệu quả các đê điều, khu vực ngập úng cục bộ, thực hiện các giải pháp kỹ thuật thoát nước cấp bách, nạo vét thông thoáng dòng chảy của kênh rạch.

3. Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện:

- Thực hiện tốt công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, đảm bảo hoàn thành công tác cấp Giấy CNQSDĐ lần đầu cho người dân (đủ điều kiện và không đủ điều kiện) đạt 100%, trừ các trường hợp tranh chấp do Toà án và cấp trên đang thụ lý giải quyết. Giải quyết tranh chấp đất đai đạt 90%.

- Thực hiện thu phí vệ sinh môi trường đạt của các xã 90%, riêng xã Tân Thông Hội, Thị Trấn Củ Chi, Thái Mỹ đạt 95% tổng số hộ dân toàn huyện (kể cả hộ XDGN).

- Kiểm tra xử lý cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường, không có cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường trong khu vực dân cư tập trung. Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý 100%.

- Hoàn thành công tác kiểm kê đất đai đúng quy định theo kế hoạch.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện:

- Tham mưu cho UBND huyện điều hành ngân sách theo đúng dự toán được giao, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức. Bố trí kế hoạch vốn đầu tư năm 2015 có trọng tâm, trọng điểm.

- Thực hiện tiết kiệm chi tiêu ngân sách; kiểm soát chặt chẽ, công khai minh bạch chi ngân sách nhà nước. Kiểm tra tình hình quản lý tài chính tại các đơn vị, các xã, thị trấn không để vi phạm xảy ra.

- Tập trung thực hiện thanh lý các cơ sở nhà đất thuộc sở hữu nhà nước qua xử lý, sắp xếp theo Quyết định 09/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Giải ngân vốn đầu tư nguồn ngân sách Thành phố phân cấp và ngân sách huyện đạt trên 90% vốn giao năm 2015.

5. Chi Cục thuế huyện:

- Phân đầu thực hiện vượt 10% dự toán thu năm 2015 theo chỉ tiêu được giao. Tăng cường các biện pháp quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế. Phân đầu đến 31/12/2015 tổng nợ thuế không vượt quá 5% so với số thực hiện thu ngân sách nhà nước năm 2015. Đẩy mạnh ngăn chặn gian lận và thất thu thuế, tăng cường công tác kiểm tra các doanh nghiệp khai lỗ trong nhiều năm liền.

- Tiến hành kiểm tra quyết toán thuế, kiểm tra trước và sau hoàn thuế đối với 140 doanh nghiệp trên địa bàn huyện.

- Phối hợp với Đài truyền thanh huyện, UBND các xã, thị trấn nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế, tạo ý thức ngày càng cao về thực hiện nghĩa vụ nộp thuế.

- Triển khai phân loại nợ thuế, thực hiện các thủ tục xử lý nợ theo quy định của Luật Quản lý thuế, thu ngay các khoản nợ có khả năng thu, giải quyết các khoản nợ chờ xử lý, tăng cường các biện pháp chống thất thu ngân sách, đảm bảo công bằng về nghĩa vụ thuế.

6. Đội Thanh tra địa bàn huyện, Đội Quản lý trật tự đô thị huyện:

- Tăng cường kiểm tra xử lý nghiêm các hành vi xây dựng không phép, sai phép, lấn chiếm đất công, sông rạch, phân lô nền trái phép và vi phạm các quy định trong công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng, chất lượng công trình.

- Tổ chức thực hiện các quyết định giải quyết tranh chấp khiếu nại của công dân có hiệu lực pháp luật đạt trên 90%.

7. Ban quản lý ĐTXDCT huyện:

- Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn huyện do Ban Quản lý ĐTXDCT huyện làm chủ đầu tư, thường xuyên rà soát tiến độ thực hiện các dự án, công trình trọng điểm, xác định nhiệm vụ và yêu cầu cấp thiết của từng dự án để triển khai lập thủ tục đầu tư và khởi công xây dựng theo đúng tiến độ.

- Rà soát lại tiến độ thực hiện các dự án, công trình trọng điểm của huyện, khẩn trương khởi công các dự án đã được phê duyệt dự án đầu tư.

- Tăng cường vai trò giám sát đầu tư, giám sát tư vấn, giám sát thi công, thực hiện tiết kiệm có hiệu quả trong đầu tư xây dựng cơ bản, đảm bảo chất lượng công trình và tiến độ thi công.

- Hoàn chỉnh hồ sơ và giải ngân vốn đầu tư xây dựng (vốn phân cấp và vốn huyện) đạt trên 90% trên vốn bố trí năm 2015.

- Giải ngân trên 95% vốn tập trung, hạn chế điều chỉnh công trình.

8. Ban Bồi thường - Giải phóng mặt bằng:

- Đảm bảo giải quyết công tác bồi thường giải phóng mặt bằng đúng trình tự thủ tục và các chế độ chính sách qui định. Không để xảy ra sai sót trong kiểm kê và áp giá bồi thường không đúng chính sách quy định do lỗi chủ quan đối với dự án mới năm 2015.

- Tiếp tục chủ động phối hợp với các sở, ngành thành phố tham mưu thành phố phê duyệt đơn giá bồi thường đất để phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phù hợp với điều kiện thực tế của huyện và thành phố.

II. TIẾP TỤC CHĂM LO ĐẢM BẢO AN SINH XÃ HỘI VÀ PHÚC LỢI XÃ HỘI:

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện chủ trì phối hợp các phòng, ban liên quan, UBND các xã - thị trấn:

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Chương trình hành động số 28-CTrHĐ/TU ngày 08/11/2012 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 Hội nghị Trung ương lần thứ 5 khóa XI “Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020”; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ đối với các đối tượng thuộc diện chính sách; có nhiều hình thức hỗ trợ phù hợp cho hộ nghèo, hộ cận nghèo để nâng cao khả năng tự vươn lên thoát nghèo bền vững, hạn chế tối đa hiện tượng tái nghèo; đẩy mạnh hơn nữa tính hiệu quả trong công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động nhất là lao động nông thôn; tiếp tục huy động mọi nguồn lực xã hội tham gia xây tặng nhà tình nghĩa, nhà tình thương cho hộ nghèo và diện chính sách.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình Giảm nghèo - tăng hộ khá giai đoạn 2014 - 2015. Phân đấu hạ tỷ lệ hộ nghèo xuống còn dưới 1% vào cuối năm 2015 (theo tiêu chí mới 16 triệu/người/năm) và giảm tỷ lệ thất nghiệp dưới 2%, tạo thêm việc làm mới và ổn định cho người dân.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động; đẩy nhanh tiến độ giải ngân cho vay giải quyết việc làm; tổ chức triển khai, thông tin, tuyên truyền hướng dẫn và phổ biến những qui định của pháp luật lao động cho các doanh nghiệp; hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định.

- Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia việc làm và dạy nghề giai đoạn 2012-2015 kết hợp với triển khai Chiến lược phát triển dạy nghề giai đoạn 2011-2020 và Đề án dạy nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình về bảo vệ trẻ em; chiến lược Quốc gia về bình đẳng giới đến năm 2020;

- Phối hợp các ngành tiếp tục triển khai thực hiện tốt kế hoạch tiếp nhận, quản lý, giáo dục, giúp đỡ người sau cai nghiện tái hòa nhập cộng đồng, chống tái nghiện. Tập trung thực hiện các giải pháp xây dựng xã, thị trấn không còn tệ nạn ma túy, mại dâm. Giải quyết kịp thời các vụ đình lãng công trái phép.

2. Ngành Y tế huyện:

- Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân theo tinh thần Nghị quyết số 46-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Chỉ thị số 06-CT/TW của Ban chấp hành Trung ương về việc củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở; Chỉ thị số 06/2007/CT-BYT ngày 07/12/2007 của Bộ Y tế về việc nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh cho nhân dân. Thực hiện tốt việc khám chữa bệnh cho người nghèo, bảo hiểm y tế, diện chính sách có công và trẻ em dưới 6 tuổi. Thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ chất lượng hoạt động khám chữa bệnh, nhất là khu vực tư nhân theo đúng qui định pháp luật.

- Tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao hoạt động công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, phấn đấu thực hiện chỉ tiêu giảm sinh đạt 0,005‰. Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, y tế cộng đồng, duy trì 100% Trạm Y tế xã, thị trấn có Bác sĩ; phấn đấu giảm tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng xuống dưới 2,5%.

- Kiểm tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định vệ sinh an toàn thực phẩm. Duy trì các hoạt động phòng, chống dịch sốt xuất huyết, tay chân miệng, cúm, quai bị... Tập trung thực hiện tốt công tác phòng chống HIV/AIDS. Đẩy mạnh công tác truyền thông, giáo dục vệ sinh an toàn thực phẩm; kiểm tra, thanh tra chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, hạn chế thấp nhất tình trạng xảy ra ngộ độc thực phẩm trên địa bàn huyện.

3. Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp các phòng, ban liên quan, UBND các xã - thị trấn:

- Thực hiện tốt công tác phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở đồng thời huy động hết số học sinh này vào lớp 10 phổ thông hoặc các hệ tương đương.

- Tiếp tục duy trì huyện đạt chuẩn quốc gia về chống mù chữ và phổ cập giáo dục các bậc học và phổ cập Mầm non cho trẻ 5 tuổi. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban chỉ đạo công tác chống mù chữ và phổ cập giáo dục, Hội Khuyến học và Trung tâm học tập cộng đồng các cấp; đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục.

- Xây dựng hệ thống trường lớp theo quy hoạch đã được phê duyệt, Phần đầu đến cuối năm 2015 có thêm 08 trường đạt chuẩn Quốc gia theo 5 tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Xây dựng 05 trường đạt chuẩn Quốc gia về cơ sở vật chất (nâng tổng số trường được xây đạt chuẩn là 50 trường)

- Tiếp tục thực hiện Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015.

4. Phòng Văn hóa - Thông tin chủ trì phối hợp các phòng, ban liên quan, UBND các xã - thị trấn:

- Tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ và sự kiện trọng đại của đất nước trong năm. Tăng cường hoạt động của Đoàn kiểm tra liên ngành văn hóa xã hội huyện, kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm và xử lý nghiêm các cơ sở hoạt động văn hoá biến tướng, dễ phát sinh TNXH, các quảng cáo sai quy định.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở và Chỉ thị số 27-CT/TW về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Nâng chất lượng hoạt động các ấp, khu phố văn hóa, xã văn hóa nông thôn mới, thị trấn văn minh đô thị, gia đình văn hóa, đơn vị văn hóa, công sở văn minh sạch đẹp an toàn; “Xây dựng nếp sống văn minh đô thị”. Tiếp tục hướng dẫn xây dựng góc truyền thống tại các ấp, khu phố. Giữ vững danh hiệu 10 xã đạt chuẩn xã văn hóa Nông thôn mới; 90% ấp - khu phố đạt chuẩn ấp - khu phố văn hóa; xây dựng 170 góc truyền thống; 03 phòng truyền thống tại các xã, thị trấn

- Phát triển thể dục thể thao quần chúng; trong đó chú trọng bồi dưỡng năng khiếu ở các bộ môn văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao.

- Phối hợp Văn phòng UBND huyện, Phòng Nội Vụ đẩy mạnh thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông và hoàn thiện nâng cấp ứng dụng các phần mềm quản lý hành chính nhà nước cho các phòng ban chuyên môn và UBND các xã, thị trấn.

III. NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG:

1. Phòng Nội vụ chủ trì:

- Phối hợp các phòng, ban đơn vị huyện, UBND các xã, thị trấn triển khai chương trình cải cách hành chính trên địa bàn huyện giai đoạn 2011 - 2020; tiếp tục thực hiện Quyết định số 23/2011/QĐ-UBND về Kế hoạch thực hiện Chương trình Cải cách hành chính gắn với mục tiêu xây dựng mô hình chính quyền đô thị giai đoạn 2011-2015. Xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

- Phối hợp với Thanh tra huyện, các đơn vị liên quan tăng cường kiểm tra, thanh tra công vụ, kiểm soát các đầu mối công việc trong nội bộ cơ quan hành chính để phát hiện kịp thời các nguy cơ dẫn đến tiêu cực, quan liêu và tham nhũng. Theo dõi, hướng dẫn UBND các xã, thị trấn củng cố, nâng chất hoạt động Tổ bảo vệ dân phố, Tổ nhân dân, Tổ dân phố, phấn đấu đạt 90% tổ đạt Khá trở lên, không có Tổ yếu kém.

2. Phòng Tư pháp chủ trì:

- Thực hiện Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở và trợ giúp pháp lý năm 2015 trên địa bàn huyện. Thẩm định văn bản quy phạm pháp luật đúng quy định.

- Thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính; kiểm soát và đơn giản hóa thủ tục hành chính, tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về thủ tục hành chính.

- Nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa để giải quyết thủ tục hành chính; chuẩn hóa việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo mô hình thống nhất đầu mối là Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại một cơ quan nhà nước.

- Phối hợp với UBND các xã, thị trấn tăng cường công tác quản lý nhà nước về hộ tịch. Nâng cao chất lượng công tác hòa giải cơ sở thụ lý hòa giải 100% đơn đúng yêu cầu và tỷ lệ hòa giải thành đạt trên 80%.

3. Thanh tra huyện chủ trì:

- Tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, đặc biệt tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát các lĩnh vực: quản lý sử dụng đất

đai, đầu tư xây dựng, tài chính ngân sách. Tăng cường thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, thực hiện pháp luật về thanh tra.

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân nghiêm túc thực hiện các kết luận thanh, kiểm tra đã có chỉ đạo xử lý, kịp thời thu hồi tiền, tài sản vi phạm về cho ngân sách nhà nước.

- Tập trung thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Phần đầu giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo đạt trên 90%, không để đơn tồn quá hạn, nắm chắc tình hình khiếu kiện đông người, không để đơn tồn.

4. Văn Phòng UBND huyện:

- Tập trung thực hiện tốt công tác tiếp dân, xử lý đơn thư tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của công dân. Đảm bảo công tác tiếp dân thường xuyên theo quy định, phản ánh kịp thời các trường hợp khiếu kiện đông người và các tình huống phức tạp.

- Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông và hoàn thiện nâng cấp ứng dụng các phần mềm quản lý hành chính nhà nước cho các phòng ban chuyên môn và UBND các xã, thị trấn.

IV. BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG - AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI, GIỮ VỮNG ỔN ĐỊNH CHÍNH TRỊ:

1. Ban Chỉ huy Quân sự huyện:

- Tiếp tục thực hiện mục tiêu giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội, thực hiện đạt 100% giao quân cả 2 cấp, chất lượng trình độ từ trung cấp đến đại học đạt 20% trở lên và sức khỏe loại 1,2 đạt 70% trở lên, Đảng viên nhập ngũ đạt 5% trở lên. Tổ chức thực hiện tốt công tác diễn tập phòng thủ, hội thao quốc phòng. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, đạt tỷ lệ theo quy định.

- Xây dựng, huấn luyện, quản lý, kiểm tra sẵn sàng chiến đấu lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, đặc biệt là xây dựng chất lượng Đảng viên đạt tỷ lệ theo quy định.

- Phối hợp BCH Công an huyện tham mưu tổ chức diễn tập phòng thủ DT 2015 đạt kết quả tốt.

2. Công an huyện chủ trì:

- Phối hợp các phòng, ban chức năng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể đẩy mạnh công tác phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội, phấn đấu kéo giảm số vụ phạm pháp hình sự trên 7%, tỷ lệ khám phá án đạt 72%, trong đó án rất nghiêm trọng, án đặc biệt nghiêm trọng đạt 90% trở lên.

- Phát huy mạnh mẽ phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Giữ vững 42 ấp, khu phố không có tội phạm ản náu hoạt động và 67 ấp, khu phố có tội phạm phát hiện nhanh, ngăn chặn kịp thời

- Thực hiện có hiệu quả các giải pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông, giảm trên 5% tai nạn giao thông trên cả 3 mặt (số vụ, số người chết, người bị thương).

- Phối hợp BCH Quân sự huyện tham mưu tổ chức diễn tập phòng thủ DT 2015 đạt kết quả tốt.

3. Phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy huyện:

- Tập huấn về công tác phòng cháy chữa cháy cho các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình ít nhất 04 lớp trong năm. Xây dựng tài liệu và tổ chức tuyên truyền về công tác phòng cháy chữa cháy theo 02 nhóm đối tượng (gas, cơ sở sản xuất).

- Kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình theo kế hoạch năm 2015 của đơn vị đề ra (04 lần/năm đối với các cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ; 02 lần/năm đối với các cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy và chữa cháy).

- Tiếp tục xây dựng và kiểm tra 10 cơ sở điểm về phòng cháy và chữa cháy.

- Kịp thời phục vụ công tác chữa cháy khi có sự cố cháy, nổ xảy ra (lực lượng, phương tiện, trang thiết bị chữa cháy,...). Tham mưu thực hiện công tác diễn tập, hội thảo, hội diễn về phòng cháy chữa cháy.

B. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH VÀ NGÂN SÁCH NĂM 2015:

Để huyện tiếp tục phát huy kết quả đạt được năm 2014, thực hiện hoàn thành thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ năm 2015, UBND huyện yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn tập trung thực hiện một số nội dung sau đây:

1. Tổ chức quán triệt trong đội ngũ cán bộ, công chức đang công tác tại cơ quan, đơn vị về mục tiêu, nhiệm vụ, những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự toán ngân sách nhà nước của huyện năm 2015 theo Nghị quyết số 22-NQ/HU ngày 22/12/2014 Hội nghị

Ban chấp hành Đảng bộ huyện lần thứ 20 khóa X về phương hướng, nhiệm vụ năm 2014.

Phân đầu hoàn thành đạt và vượt 19 chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế, xã hội, môi trường và đô thị của huyện. Các xã, thị trấn hoàn thành 50 chỉ tiêu ký kết giao ước thi đua giữa Chủ tịch UBND huyện với Chủ tịch UBND các xã - thị trấn. Khởi chính quyền hoàn thành các chỉ tiêu ký kết giao ước thi đua giữa Chủ tịch UBND huyện với thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị tại Biên bản số 13/BB-UBND ngày 16/01/2015.

2. Căn cứ kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng - an ninh và ngân sách huyện năm 2015, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị huyện, UBND các xã, thị trấn chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện ngay. Hàng tháng, hàng quý phải sơ kết rút kinh nghiệm để kịp thời chỉ đạo khắc phục các mặt trì trệ, thiếu sót; đề xuất, kiến nghị tháo gỡ các vướng mắc trong thực tiễn.

3. Chủ động phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể chính trị xã hội, xã hội nghề nghiệp tiếp tục thực hiện một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu và phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2015.

4. Tập trung nâng cao chất lượng và hiệu quả đầu tư công, ưu tiên nguồn vốn ngân sách đầu tư cho các công trình, dự án lớn quan trọng; cải thiện môi trường sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của các doanh nghiệp do huyện quản lý.

5. Tiếp tục đầu tư phát triển y tế, giáo dục đào tạo, văn hóa, khoa học và công nghệ; thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy ở các cấp học, ngành học. Củng cố và mở rộng mạng lưới trường lớp, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, đặc biệt là hệ thống thống lớp cho bậc Mầm non. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh nhằm chăm sóc tốt sức khỏe cho nhân dân; chủ động phòng chống có hiệu quả các dịch bệnh nguy hiểm.

6. Phát động mạnh mẽ phong trào thi đua yêu nước, gắn với cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” và phong trào xây dựng Nông thôn mới; thực hiện tốt công tác vận động quần chúng tham gia các chính sách an sinh xã hội, quan tâm các biện pháp chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, trước hết là diện chính sách, dân nghèo. Xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu công tác được phân công phụ trách. Tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, đặc biệt tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát các lĩnh vực: quản lý đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý vốn, tài sản Nhà nước, công tác bồi thường, giải phóng mặt

bằng, tái định cư, cấp phép đầu tư...Xử lý kịp thời, nghiêm minh các trường hợp vi phạm.

7. Tập trung lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng và an ninh; tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Kiên quyết đấu tranh phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, giải quyết đúng pháp luật về khiếu nại, tố cáo của công dân.

8. Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị huyện, UBND các xã, thị trấn chấp hành nghiêm chế độ thông tin, báo cáo theo định kỳ; định kỳ hàng tháng, hàng quý, Văn Phòng Ủy ban nhân dân huyện bố trí lịch giao ban hàng tháng về tình hình kinh tế - xã hội để Ủy ban nhân dân huyện tổ chức hội nghị, làm việc với các đơn vị để nghe báo cáo tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch chỉ đạo, điều hành kinh tế - xã hội, quốc phòng- an ninh và ngân sách huyện năm 2015, kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc để thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội huyện bền vững.

Trên đây là Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh và ngân sách huyện năm 2015; Chương trình công tác của UBND huyện năm 2015. Đề nghị Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn theo chức năng, nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện ngay Kế hoạch này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Minh Tấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC NĂM 2015 CỦA UBND HUYỆN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 3 năm 2015 của UBND huyện Cử Chi)

| STT | Nội dung công việc | Cơ quan trình | Thời gian trình |
|------------|---|---------------------------|------------------------|
| 1 | Tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 06/NQ-HU ngày 22/12/2010 của Huyện ủy về tăng cường công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và kéo giảm tai nạn giao thông trên địa bàn. | Ban chỉ huy Công an huyện | Tháng 6/2015. |
| 2 | Sơ kết 02 năm thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khắc phục ùn tắc giao thông. | Ban chỉ huy Công an huyện | Tháng 4/2015. |
| 3 | Sơ kết 4 năm thực hiện chương trình hành động số 21-CTrHĐ/HU ngày 31/8/2012 của BTV Huyện ủy thực hiện Chương trình hành động số 26-CTrHĐ/TU ngày 20/6/2012 của BTV Thành ủy về thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc trong tình hình mới. | Ban chỉ huy Công an huyện | Tháng 10/2015 |
| 4 | Sơ kết 07 năm thực hiện Chương trình hành động số 33-CTr/HU ngày 07/5/2009 của Huyện ủy về thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 26/3/2008 của Bộ Chính trị (Khóa X) về “Tăng cường công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trong tình hình mới. | Ban chỉ huy Công an huyện | Tháng 5/2015. |

| | | | |
|---|--|---------------------------|----------------|
| 5 | Sơ kết 04 năm thực hiện Chương trình hành động số 08-Ctr/HU ngày 18/01/2011 của Huyện ủy về thực hiện Kết luận số 86-KL/TW ngày 05/11/2010 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 05 tăng cường lãnh đạo công tác đảm bảo ANQG trong tình hình mới. | Ban chỉ huy Công an huyện | Tháng 8/2015. |
| 6 | Sơ kết 4 năm thực hiện Chỉ thị 09-CT/TW ngày 01/12/2011 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ ANTT trong tình hình mới. | Ban chỉ huy Công an huyện | tháng 10/2015. |
| 7 | Tổng kết 3 năm thực hiện Kế hoạch số 57-KH/HU ngày 28/5/2012 của BTV Huyện ủy xây dựng mô hình điểm về tổ chức, huấn luyện, hoạt động và quản lý lực lượng dân quân tự vệ; xây dựng BCH Quân sự xã, thị trấn vững mạnh toàn diện giai đoạn 2011 - 2015. | Ban chỉ huy Quân sự huyện | Tháng 6/2015. |
| 8 | Sơ kết 01 năm Chỉ thị số 19-CT/HU ngày 27/5/2014 của Huyện ủy về lãnh đạo tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý hành chính Nhà nước; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu; nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra công vụ, mở rộng sự giám sát của nhân dân đối với cán bộ, công chức. | Phòng Nội vụ huyện | Tháng 6/2015. |
| 9 | Sơ kết 2 năm thực hiện chương trình hành động số 31-CT/HU ngày 07/8/2013 của BTV Huyện ủy tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, nhân rộng những mô hình, cách làm hay, tạo sự chuyên biến thật sự có hiệu quả trong giải quyết công việc cho tổ chức và cá nhân, đặc biệt là những vấn đề bức xúc của nhân dân; tạo môi trường đầu tư thông thoáng, lắng nghe và tiếp tục chỉ đạo giải quyết khó khăn, vướng mắc của công dân, doanh nghiệp. | Phòng Nội vụ huyện | Tháng 9/2015. |

| | | | |
|----|--|------------------------------|---------------|
| 10 | Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 08-NQ/HU, ngày 23 tháng 12 năm 2010 về việc tăng cường lãnh đạo nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo và công tác phổ cập giáo dục các bậc học giai đoạn 2010 - 2015 và những năm tiếp theo | Phòng giáo dục đào tạo huyện | Tháng 03/2015 |
| 11 | Sơ kết 3 năm thực hiện chương trình hành động số 20-CT/HU ngày 16/7/2012 của Ban Thường vụ Huyện ủy thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 5/12/2011 của Bộ Chính trị về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn | Phòng giáo dục đào tạo huyện | Tháng 7/2015 |
| 12 | Sơ kết 3 năm thực hiện Kế hoạch 67-KH/HU ngày 28/12/2012 của Huyện ủy tổ chức thực hiện chương trình hành động số 28-CTrHĐ/TU ngày 8/11/2012 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa 11) về một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020. | Phòng Lao động xã hội huyện | Tháng 12/2015 |
| 13 | Tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/HU ngày 23/12/2010 của Huyện ủy về việc tăng cường lãnh đạo nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo và công tác phổ cập giáo dục các bậc học giai đoạn 2010 - 2015 và những năm tiếp theo | Phòng giáo dục đào tạo huyện | Tháng 12/2015 |
| 14 | Báo cáo kinh tế-xã hội, quốc phòng-an ninh 3 tháng đầu năm 2015 | Văn phòng UBND huyện | Tháng 3/2015 |
| 15 | Báo cáo kinh tế-xã hội, quốc phòng-an ninh 6 tháng đầu năm 2015 | Văn phòng UBND huyện | Tháng 6/2015 |
| 16 | Báo cáo kinh tế-xã hội, quốc phòng-an ninh 9 tháng đầu năm 2015 | Văn phòng UBND huyện | Tháng 9/2015 |
| 17 | Báo cáo kinh tế xã hội, quốc phòng-an ninh năm 2015 | | Tháng 9/2015 |

| | | | |
|----|---|-----------------------------|---------------|
| 18 | Tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 4-NQ/HU ngày 15/11/2010 của Huyện ủy về xây dựng nông thôn mới | Phòng Kinh tế | Tháng 4/2015 |
| 19 | Tổng kết chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực | Phòng Nội vụ | Quý IV |
| 20 | Chương trình cải cách hành chính | Phòng Nội vụ | Quý IV |
| 21 | Tổng kết thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế, chuyển dịch mô hình tăng trưởng giai đoạn 2011 - 2015. | Phòng Kinh tế | Quý III |
| 22 | Chương trình giảm ùn tắc giao thông | Ban chỉ huy Công an huyện | Quý III |
| 23 | Chương trình giảm ngập nước | Phòng Quản lý đô thị | Quý IV |
| 24 | Chương trình giảm ô nhiễm môi trường | Phòng Tài nguyên-Môi trường | Quý III |
| 25 | Tổng kết Chương trình nước sinh hoạt năm 2015, dự kiến tổ chức tháng 12 năm 2015. | Phòng Kinh tế | Tháng 12/2015 |
| 26 | Tổng kết công tác phòng chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm năm 2014 và kế hoạch năm 2015. | Phòng Kinh tế | Tháng 3/2015 |
| 27 | Tổ chức tổng kết chương trình xây dựng NTM giai đoạn 2013 - 2015 | Phòng Kinh tế | Quý I |
| 28 | Tổng kết công tác chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp giai đoạn 2011 - 2015. | Phòng Kinh tế | Quý IV |

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Minh Tấn

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 932/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 3 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Quy chế quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán
Quỹ bảo trì đường bộ Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012 và Nghị định số 56/2014/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ ban hành và sửa đổi bổ sung Quỹ bảo trì đường bộ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 230/2012/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán Quỹ bảo trì đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 133/2014/TT-BTC ngày 11 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện;

Căn cứ Quyết định số 2756/QĐ-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực thu phí đường bộ theo đầu phương tiện thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2014/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân Thành phố về tổ chức thu phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thành lập Quỹ bảo trì đường bộ Thành phố thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4623/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ bảo trì đường bộ Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 3139/TTr-SGTVT ngày 13 tháng 8 năm 2014 và của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1222/STC-ĐTSC ngày 09 tháng 02 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này, Quy chế quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán Quỹ bảo trì đường bộ Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Hội đồng Quản lý Quỹ Bảo trì đường bộ Thành phố, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán Quỹ bảo trì đường bộ Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 932/QĐ-UBND
ngày 04 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Quyết định này quy định về chế độ quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán Quỹ bảo trì đường bộ Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Quỹ) được thành lập tại Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thành lập Quỹ bảo trì đường bộ Thành phố thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo trì đường bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Nguồn kinh phí của Quỹ

1. Nguồn thu phí sử dụng đường bộ đối với xe ô tô được Quỹ bảo trì đường bộ Trung ương phân chia cho Quỹ.

2. Nguồn bổ sung từ số thu phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô.

3. Nguồn thu liên quan đến sử dụng đường bộ (như thông qua các hình thức khai thác đất trong phạm vi đất dành cho đường bộ và hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật hiện hữu).

4. Nguồn thu do các tổ chức, cá nhân đóng góp, tài trợ cho các hoạt động bảo trì đường bộ.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Quỹ chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định; hàng năm việc lập kế hoạch, phân bổ, giao kế hoạch và quản lý, thanh toán, quyết toán thu - chi Quỹ thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Quỹ phải công khai tình hình quản lý, sử dụng Quỹ và báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính theo quy định tại Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Mở tài khoản:

a) Hội đồng quản lý Quỹ mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh để phản ánh các nguồn thu - chi của Quỹ bảo trì đường bộ Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý và sử dụng Quỹ bảo trì đường bộ Thành phố Hồ Chí Minh mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để tiếp nhận nguồn kinh phí và thực hiện chi từ Quỹ bảo trì đường bộ Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương II

LẬP, PHÂN BỔ VÀ GIAO KẾ HOẠCH THU, CHI ĐỐI VỚI QUỸ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

Điều 4. Lập, phân bổ và giao kế hoạch thu phí sử dụng đường bộ từ xe mô tô

1. Hàng năm căn cứ vào hướng dẫn chế độ thu, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đã ban hành; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn lập kế hoạch thu phí sử dụng đường bộ cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách của đơn vị gửi Ủy ban nhân dân quận, huyện xem xét, tổng hợp gửi Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Trên cơ sở báo cáo của Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Ban Điều hành Quỹ lập kế hoạch thu, kèm theo thuyết minh chi tiết cơ sở tính toán; trong đó xác định phân trích để lại chi phục vụ công tác thu phí và nộp về Quỹ Bảo trì đường bộ Thành phố; báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ để gửi Sở Giao thông vận tải và Sở Tài chính.

3. Sở Giao thông vận tải xem xét, tổng hợp kế hoạch thu của Quỹ, kèm thuyết minh chi tiết cơ sở tính toán vào phương án xây dựng dự toán thu ngân sách hàng năm của Sở Giao thông vận tải, gửi Sở Tài chính.

4. Sở Tài chính xem xét, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt kế hoạch thu Quỹ Bảo trì đường bộ Thành phố.

5. Sau khi Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt kế hoạch thu, Hội đồng quản lý Quỹ Bảo trì đường bộ Thành phố ban hành kế hoạch thu và giao kế hoạch thu cho Ủy ban nhân dân các quận huyện. Quyết định này phải gửi Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước Thành phố và Kho bạc nơi cơ quan, đơn vị mở tài khoản giao dịch để phối hợp thực hiện.

6. Kinh phí tổ chức thu phí được trích tỉ lệ phần trăm trên số thu để phục vụ cho công tác thu phí. Tỷ lệ để lại phục vụ công tác thu phí cho các quận huyện thực hiện theo Nghị quyết số 31/2014/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân về tổ chức thu phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

- Đối với Ủy ban nhân dân các phường, thị trấn được để lại 10% số phí sử dụng đường bộ thu được để trang trải chi phí tổ chức thu theo quy định.

- Đối với Ủy ban nhân dân các xã được để lại 20% số phí sử dụng đường bộ thu được để trang trải chi phí tổ chức thu theo quy định.

7. Tỷ lệ phân chia nguồn thu của quận - huyện trên cơ sở hiện trạng hạ tầng giao thông, khối lượng đường bộ được phân cấp quản lý, quy mô dân số, và nguồn thu phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô sau khi trừ tỷ lệ % phục vụ công tác thu phí cho các quận, huyện, để lại một phần cho Ủy ban nhân dân các quận, huyện chi cho công tác bảo trì hệ thống cầu đường bộ trên địa bàn phụ trách, cụ thể:

Khu vực 1 (Quận 1): 10%

Khu vực 2 (Quận 3, Quận 5, Quận 10): 40%

Khu vực 3 (Quận 2, Quận 4, Quận 6, Quận 7, Quận 11, quận Bình Thạnh, quận Tân Bình, quận Tân Phú, quận Phú Nhuận): 50%

Khu vực 4 (Quận 8, Quận 9, Quận 12, quận Gò Vấp, quận Bình Tân, quận Thủ Đức): 60%

Khu vực 5 (huyện Nhà Bè, huyện Bình Chánh, huyện Củ Chi, huyện Hóc Môn, huyện Cần Giờ): 100%.

8. Trình tự thủ tục thu, nộp tiền phí: Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn thực hiện theo Quyết định số 2756/QĐ-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực thu phí đường bộ theo đầu phương tiện thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

Điều 5. Nội dung chi của Quỹ

1. Chi bảo trì đường bộ theo phân cấp quản lý, gồm:

- a) Chi bảo dưỡng thường xuyên.
- b) Chi sửa chữa định kỳ (gồm: sửa chữa lớn, sửa chữa vừa) đường bộ.
- c) Chi sửa chữa đột xuất (khắc phục hậu quả thiên tai, lụt bão hoặc các nguyên nhân bất thường khác để đảm bảo giao thông và an toàn giao thông).

2. Chi quản lý công trình đường bộ do các tổ chức cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích bảo trì đường bộ thực hiện.

3. Chi hoạt động các Trạm kiểm tra tải trọng xe thuộc Thành phố quản lý, gồm: chi phí hoạt động thường xuyên, chi không thường xuyên (mua sắm, sửa chữa thiết bị; sửa chữa, nâng cấp nhà trạm).

4. Chi bù hoạt động các bến phà, cầu phao do ngân sách Thành phố đầu tư theo đối tượng được quy định tại Thông tư số 110/2014/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí qua phà.

5. Chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng Quản lý, Ban kiểm soát, Ban điều hành Quỹ.

6. Chi khác liên quan đến công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

Điều 6. Lập, giao kế hoạch chi của Quỹ

Sở Giao thông vận tải lập dự toán chi quản lý, bảo trì đường bộ đối với các tuyến đường Sở quản lý; Ủy ban nhân dân các quận, huyện lập dự toán chi bảo trì đường bộ thuộc phân cấp được giao quản lý theo nội dung chi quy định tại Điều 5 quy chế này và chi tiết theo từng công trình gắn với đoạn đường, tuyến đường, khối lượng và kinh phí thực hiện

1. Lập kế hoạch chi:

a) Hàng năm, căn cứ vào hiện trạng và điều kiện khai thác công trình đường bộ, chi hoạt động các bến phà, trạm kiểm tra tải trọng...; định mức kinh tế kỹ thuật; đơn

giá, định mức chi được cấp có thẩm quyền quy định; chế độ chi tiêu tài chính hiện hành; Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các quận, huyện lập kế hoạch bảo trì đường bộ chi tiết theo nội dung chi quy định tại Điều 5 của Quyết định này cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách của địa phương, gửi về Quỹ bảo trì đường bộ Thành phố.

b) Ban điều hành Quỹ tổng hợp kế hoạch chi, kèm theo thuyết minh chi tiết cơ sở tính toán, định hướng, nguyên tắc phân bổ và xác định thứ tự ưu tiên cho từng nhóm nhiệm vụ chi thông qua Hội đồng Quản lý Quỹ để gửi Sở Tài chính.

2. Giao kế hoạch chi

a) Căn cứ kết quả thẩm định của Sở Tài chính, Hội đồng quản lý Quỹ thông báo kế hoạch chi quản lý bảo trì đường bộ cho Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các quận, huyện. Thông báo này đồng thời được gửi cho Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước Thành phố, Kho bạc nơi cơ quan, đơn vị mở tài khoản giao dịch để phối hợp thực hiện nhưng không vượt quá kế hoạch thu của từng đơn vị.

c) Căn cứ vào kế hoạch chi quản lý, bảo trì đường bộ được giao, các cơ quan, đơn vị quản lý đường bộ thực hiện đấu thầu, đặt hàng, bảo trì, quản lý công trình đường bộ theo quy định hiện hành.

d) Đối với nhiệm vụ chi có tính chất đầu tư, như: sửa chữa định kỳ, sửa chữa lớn công trình đường bộ; thực hiện theo quy trình quản lý vốn đầu tư của Nhà nước hiện hành.

e) Đối với Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn (đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí bảo trì đường bộ) số trích phục vụ cho công tác thu phí được tổng hợp chung vào nguồn kinh phí của đơn vị và quản lý sử dụng theo quy định của Luật Ngân sách.

Lưu ý: Biểu giao kế hoạch chi bảo trì, chuyển vốn từ Quỹ bảo trì đường bộ cho các đơn vị theo phụ lục I và II kèm theo Thông tư số 230/2012/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của liên Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán Quỹ bảo trì đường bộ.

Chương III

TẠM ÚNG, THANH TOÁN, QUYẾT TOÁN THU, CHI QUỸ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

Điều 7. Tạm ứng, thanh toán kinh phí

1. Quy định về phương thức chuyển kinh phí Quỹ

Hàng quý, căn cứ số thực thu của Quỹ (nguồn thu phí sử dụng đường bộ, nguồn thu khác), kế hoạch chi của Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ quyết định phân khai nguồn kinh phí của Quỹ cho cơ quan, đơn vị được giao dự toán (Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các quận, huyện) gửi Kho Bạc Nhà nước Thành phố, Kho bạc Nhà nước Thành phố chuyển kinh phí vào tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch của các cơ quan đơn vị.

a) Nguồn kinh phí thu từ xe mô tô: Căn cứ số thu của các quận, huyện nộp về quỹ, danh mục cụ thể các nội dung chi, tỷ lệ để lại và tỷ lệ điều tiết cho các quận, huyện; Hội đồng quản lý Quỹ quyết định số kinh phí chuyển cho các đơn vị.

b) Đối với nguồn thu phí sử dụng đường bộ đối với xe ô tô được Quỹ bảo trì đường bộ Trung ương phân chia cho Quỹ: Căn cứ nguồn thu do Quỹ bảo trì đường bộ Trung ương phân chia hàng năm, căn cứ danh mục chi do Hội đồng quản lý Quỹ bảo trì đường bộ Thành phố trình trong phương án phân bổ chi ngân sách Thành phố đã được Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định; Hội đồng quản lý Quỹ quyết định số kinh phí chuyển cho các đơn vị thực hiện.

2. Quy định về tạm ứng, thanh toán của Kho Bạc Nhà nước

a) Căn cứ vào kế hoạch chi quản lý, bảo trì đường bộ được giao, các cơ quan, đơn vị dự toán được sử dụng Quỹ đề nghị Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch tạm ứng, thanh toán cho các đơn vị cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích về quản lý, bảo trì đường bộ theo quy định hiện hành.

b) Căn cứ để Kho bạc Nhà nước thực hiện thanh toán:

- Kế hoạch chi được cấp có thẩm quyền giao;
- Số dư trong tài khoản của cơ quan, đơn vị tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch;
- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư (đối với nhiệm vụ có tính chất đầu tư); kết quả đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch của cấp có thẩm quyền;
- Hợp đồng thực hiện cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện quản lý, bảo trì công trình đường bộ;
- Biên bản nghiệm thu sản phẩm và bản thanh toán kinh phí sản phẩm quản lý, bảo trì công trình đường bộ hoàn thành;
- Duyệt chi của Thủ trưởng đơn vị được giao dự toán sử dụng kinh phí của Quỹ, cùng hồ sơ chứng từ theo quy định hiện hành.

c) Kiểm soát chi của Kho bạc Nhà nước: thực hiện kiểm soát các khoản chi từ Quỹ trước khi tạm ứng, thanh toán theo đề nghị của Thủ trưởng đơn vị được giao dự toán sử dụng kinh phí của Quỹ theo quy định hiện hành, cụ thể:

Đối với nhiệm vụ chi có tính chất thường xuyên việc tạm ứng và thanh toán thực hiện theo quy định tại Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Đối với khoản chi có tính chất đầu tư việc tạm ứng và thanh toán thực hiện theo quy định tại Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 8. Quyết toán thu, chi của Quỹ

1. Lập báo cáo quyết toán thu, chi.

a) Quyết toán thu:

Hàng tháng, các đơn vị được giao thu phí sử dụng đường bộ (Ủy ban nhân dân phường, xã) lập Tờ khai phí sử dụng đường bộ thu được cho cơ quan thuế và Quỹ bảo trì đường bộ Thành phố Hồ Chí Minh chậm nhất vào ngày 20 của tháng sau.

Số tiền phí thu được (sau khi trừ số tiền được trích để phục vụ công tác thu phí), đơn vị thu phí phải nộp (hàng tuần) vào tài khoản của Quỹ bảo trì đường bộ Thành phố Hồ Chí Minh mở tại Kho bạc nhà nước.

Ban Điều hành Quỹ có trách nhiệm mở sổ theo dõi số thu của từng quận, huyện. Định kỳ vào ngày 25 của tháng báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ về số thu, số để lại phục vụ công tác thu phí, số phí đã phân bổ cho từng quận, huyện và số phí còn lại sẽ phân bổ cho quận, huyện theo tỷ lệ quy định tại điểm 6 Điều 4 của Quy chế này.

Báo cáo quyết toán năm phí sử dụng đường bộ nộp cho Cơ quan thuế và Quỹ bảo trì đường bộ Thành phố chậm nhất ngày thứ 90 khi kết thúc năm dương lịch theo mẫu Tờ khai quyết toán phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô. Mẫu tờ khai phí sử dụng đường bộ tháng và Tờ khai quyết toán phí sử dụng đường bộ năm theo phụ lục 1 và 2 đính kèm quy chế này.

b) Quyết toán chi:

Các đơn vị được giao dự toán sử dụng kinh phí của Quỹ bảo trì đường bộ lập báo cáo quyết toán kinh phí bảo trì đường bộ đã được giao theo các biểu mẫu quyết toán được ban hành tại các văn bản sau:

- Đối với chi hoạt động: Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

- Đối với chi có tính chất đầu tư: Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

Nội dung, quy trình xét duyệt, thẩm định, thông báo quyết toán năm: Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức được nhà nước hỗ trợ và ngân sách các cấp (hiện nay là Thông tư 01/2007/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2007 của Bộ Tài chính) và các văn bản có liên quan khác. Cụ thể:

- Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm xét duyệt quyết toán năm của các đơn vị trực thuộc được giao dự toán sử dụng bảo trì đường bộ; tổng hợp gửi Hội đồng quản lý Quỹ.

- Ủy ban nhân dân các quận, huyện có ý kiến về quyết toán năm của các đơn vị được giao dự toán sử dụng bảo trì đường bộ do Ủy ban nhân dân các quận, huyện quản lý, tổng hợp gửi Hội đồng quản lý Quỹ.

- Ban Điều hành Quỹ có trách nhiệm tổng hợp quyết toán chi Quỹ bảo trì đường bộ thông qua Hội đồng quản lý Quỹ gửi Sở Tài chính.

- Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định quyết toán năm của Quỹ.

1. Đối với nhiệm vụ chi có tính chất đầu tư, thực hiện theo quy trình quản lý vốn đầu tư, thì ngoài việc thực hiện quyết toán hàng năm theo quy định; khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, còn phải thực hiện quyết toán công trình hoàn thành theo quy định hiện hành.

2. Cuối năm, nguồn kinh phí Quỹ đã chuyển cho các đơn vị nếu chưa sử dụng hết phải nộp trả hoặc đề nghị Quỹ bảo trì đường bộ TP chuyển số dư tiếp tục sử dụng. Đối với nguồn kinh phí của Quỹ còn dư được chuyển sang năm sau, để chi cho công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ.

Điều 9. Công tác kiểm tra

1. Để đảm bảo việc sử dụng Quỹ bảo trì đường bộ đúng mục đích, có hiệu quả; Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính thực hiện kiểm tra định kỳ, đột xuất tình hình quản lý, sử dụng Quỹ bảo trì đường bộ.

2. Trong quá trình quản lý, kiểm tra phát hiện các khoản chi không đúng chế độ, chi sai nội dung quy định tại Quyết định này và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành đều phải xuất toán thu hồi; đồng thời cá nhân ra quyết định chi sai phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan

1. Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính hướng dẫn các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan đơn vị phản ánh về Hội đồng quản lý Quỹ, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính để kịp thời xem xét, hướng dẫn./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ
(áp dụng đối với đơn vị thu phí xe mô tô)

[01] Kỳ tính phí: Tháng.....năm.....

[02] Lần đầu

[03] Bổ sung lần thứ

[04] Người nộp phí:.....

[05] Mã số thuế:.....

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... [08] Tỉnh/Thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... [10] Fax:..... [11] Email:.....

[12] Đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế:.....

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:..... [16] Tỉnh/Thành phố:.....

[17] Điện thoại:..... [18] Fax:..... [19] Email:.....

[20] Hợp đồng đại lý thuế, số:..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| STT | Loại phí | Số tiền phí thu được | Tỷ lệ trích sử dụng (%) | Số tiền phí trích sử dụng theo chế độ | Số tiền phí phải nộp vào Quỹ bảo trì đường bộ | Số tiền phí đã nộp vào Quỹ bảo trì đường bộ | Số tiền phí còn phải nộp vào Quỹ bảo trì đường bộ |
|-----|----------------------|----------------------|-------------------------|---------------------------------------|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5)=(3)x(4) | (6)=(3)-(5) | (7) | (8)=(6)-(7) |
| | Phí sử dụng đường bộ | | | | | | |
| | Tổng cộng | | x | | | | |

Số tiền phí phải nộp (bằng chữ).....

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI NỘP PHÍ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP PHÍ
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ
(áp dụng đối với đơn vị thu phí xe mô tô)**

[01] Kỳ tính phí: năm.....

[02] Lần đầu

[03] Bổ sung lần thứ

[04] Người nộp phí:.....

[05] Mã số thuế:.....

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... [08] Tỉnh/Thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... [10] Fax:..... [11] Email:.....

[12] Đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế:.....

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:..... [16] Tỉnh/Thành phố:.....

[17] Điện thoại:..... [18] Fax:..... [19] Email:.....

[20] Hợp đồng đại lý thuế, số:..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| STT | Loại phí | Số tiền phí, lệ phí thu được | Tỷ lệ trích sử dụng (%) | Số tiền phí, lệ phí trích sử dụng theo chế độ | Số tiền phí nộp vào Quỹ bảo trì đường bộ | Số tiền phí đã nộp vào Quỹ bảo trì đường bộ | Số tiền phí còn phải nộp vào Quỹ bảo trì đường bộ |
|-----|----------------------|------------------------------|-------------------------|---|--|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5)=(3)x(4) | (6)=(3)-(5) | (7) | (8)=(6)-(7) |
| | Phí sử dụng đường bộ | | | | | | |
| | Tổng cộng | | x | | | | |

Số tiền phí phải nộp (bằng chữ).....

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI NỘP PHÍ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP PHÍ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 951/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 3 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 1878/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở nâng cấp Trường Cán bộ Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Xét đề nghị của Giám đốc Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 282/TCB ngày 25 tháng 11 năm 2014 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 351/TTr-SNV ngày 29 tháng 01 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Học viện Thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 951/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 3 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Học viện), bao gồm: Vị trí pháp lý, nguyên tắc tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của công chức, viên chức; người học; tài chính và tài sản của Học viện.

2. Quy chế này áp dụng đối với toàn bộ tổ chức và hoạt động của Học viện và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong mối quan hệ công tác.

3. Tên gọi

Tên tiếng Việt: **Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh.**

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: **HO CHI MINH CITY CADRE ACADEMY
(Viết tắt HCA).**

4. Trụ sở chính: 324 Chu Văn An, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 08.38.421.405 - 08.38.421.502 - 08.38.421.495

- Fax : 08.38.421.495

- Email: hcmca.edu.vn

- Địa chỉ trang Web: www.hvcb.hochiminhcity.gov.vn

Điều 2. Vị trí pháp lý

1. Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh là cơ sở giáo dục công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, trực thuộc Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, được thành lập theo Quyết định số 1878/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ; chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo về giáo dục và đào tạo; đồng thời chịu sự quản lý về chuyên môn của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

2. Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng.

3. Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh là cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo về nội dung, quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, về tổ chức bộ máy, biên chế, chính sách đối với cán bộ, giảng viên và người học, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là cơ quan chủ quản về mặt nhà nước đối với Học viện.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

Học viện làm việc theo chế độ Thủ trưởng, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy tính chủ động sáng tạo và tự chịu trách nhiệm cá nhân của công chức, viên chức và người lao động.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM

Điều 4. Chức năng, nhiệm vụ

1. Đào tạo trình độ cao về lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố Hồ Chí Minh theo chức năng nhiệm vụ của quy định đối với trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Được đào tạo, cấp văn bằng trình độ đại học, sau đại học theo quy định của pháp luật.

3. Bồi dưỡng về lý luận chính trị, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước về kiến thức và kỹ năng quản lý nhà nước.

4. Thực hiện triển khai dịch vụ khoa học và công nghệ; nghiên cứu và tư vấn về chính sách cho các cấp quản lý của Thành phố.

5. Hợp tác, liên kết đào tạo, nghiên cứu khoa học với các cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài nước.

Điều 5. Quyền hạn, trách nhiệm

Học viện được quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về quy hoạch, kế hoạch phát triển, tổ chức các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, tài chính, tổ chức nhân sự, cụ thể:

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển Học viện phù hợp với nhiệm vụ do Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố giao.

2. Xây dựng chương trình, giáo trình, kế hoạch giảng dạy, học tập đối với các ngành nghề được phép đào tạo; tổ chức tuyển sinh; tổ chức quá trình đào tạo; công nhận tốt nghiệp, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

3. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực nhằm thực hiện mục tiêu, giáo dục, hợp tác, liên kết với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, y tế, nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, sản xuất và việc làm phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội.

4. Thực hiện sự nghiệp khoa học và công nghệ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giao; sử dụng có hiệu quả kinh phí đầu tư phát triển khoa học, công nghệ; đăng ký tham gia tuyển chọn ký kết và thực hiện hợp đồng khoa học và công nghệ, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài về khoa học và công nghệ góp phần xây dựng, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của Thành phố Hồ Chí Minh và của đất nước.

5. Được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; chuyển giao, chuyển nhượng và công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ; bảo vệ lợi ích của nhà nước và xã hội; quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân trong hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ.

6. Nhận viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để bổ sung nguồn tài chính; góp vốn bằng tiền, tài sản, giá trị quyền sở hữu trí tuệ để tiến hành các hoạt động khoa học, công nghệ; sử dụng nguồn thu từ hoạt động kinh tế (nếu có) để đầu tư mở rộng hoạt động đào tạo, xây dựng cơ sở vật chất; tài trợ, thực hiện chính sách ưu đãi đối với con, em gia đình thuộc diện chính sách, các hoạt động xã hội nhân đạo từ thiện.

7. Tổ chức bộ máy, tuyển dụng đội ngũ giảng viên, cán bộ, nhân viên, thành lập và giải thể các tổ chức trực thuộc Học viện theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện dân chủ, bình đẳng, công khai, trong việc bố trí và thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, khoa học, công nghệ và hoạt động tài chính.

9. Thực hiện chế độ báo cáo với cơ quan quản lý trực tiếp và các cơ quan cấp trên về việc hoạt động của Học viện theo quy định.

10. Các quyền hạn và trách nhiệm khác theo sự phân công, phân cấp của cơ quan có thẩm quyền.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ

Điều 6. Cơ cấu tổ chức Học viện

Cơ cấu tổ chức của Học viện bao gồm:

1. Hội đồng Học viện;
2. Giám đốc và các Phó Giám đốc;
3. Hội đồng khoa học và đào tạo, các Hội đồng tư vấn;
4. Các phòng, ban chức năng;
5. Các khoa, bộ môn trực thuộc Học viện, trung tâm, thư viện;
6. Các bộ môn trực thuộc khoa;
7. Ký túc xá và các bộ phận phục vụ;
8. Các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở phục vụ đào tạo;
9. Các tổ chức khác (nếu có);
10. Tổ chức Đảng và các đoàn thể.

Điều 7. Hội đồng Học viện

Hội đồng Học viện là cơ quan quản trị của Học viện, có nhiệm kỳ 5 năm. Hội đồng Học viện quyết nghị các chủ trương, chính sách cơ bản, quan trọng và giám sát việc sử dụng các nguồn lực của Học viện để thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Học viện theo Điều lệ của trường đại học.

1. Hội đồng Học viện có các nhiệm vụ sau:

a) Quyết nghị về mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển của Học viện bao gồm dự án quy hoạch, kế hoạch phát triển trung hạn và dài hạn phù hợp với quy hoạch mạng lưới các trường đại học, học viện trong nước.

b) Quyết nghị về dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện hoặc bổ sung, sửa đổi quy chế trước khi Giám đốc Học viện trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Quyết nghị chủ trương chi tiêu, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị từ nguồn vốn của Học viện.

d) Giám sát thực hiện “Quy chế thực hiện dân chủ trong các hoạt động của Học viện” do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh ban hành và các quyết nghị của Hội đồng Học viện, báo cáo cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

2. Các cuộc họp của Hội đồng Học viện được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Các quyết nghị của Hội đồng chỉ có giá trị khi có quá nửa số thành viên Hội đồng nhất trí.

3. Giám đốc Học viện có trách nhiệm thực hiện quyết nghị hoặc kết luận của Hội đồng Học viện về những nội dung được quy định tại mục 1 của điều này. Khi Giám đốc Học viện không nhất trí với quyết nghị hoặc kết luận của Hội đồng, phải kịp thời báo cáo xin ý kiến cơ quan chủ quản.

4. Hội đồng Học viện có các thành viên gồm: Giám đốc, Bí thư Đảng ủy Học viện, đại diện các giảng viên, cán bộ quản lý, giáo dục có uy tín trong và ngoài Học viện, các tổ chức chính trị - xã hội trong Học viện. Chủ tịch Hội đồng là chuyên trách hoặc bán chuyên trách do các thành viên của Hội đồng Học viện bầu theo nguyên tắc đa số.

5. Hội đồng Học viện do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập, tổng số thành viên Hội đồng Học viện là một số lẻ từ 15 đến 31 thành viên.

Điều 8. Giám đốc Học viện

1. Giám đốc Học viện là người đại diện theo pháp luật của Học viện; chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý và điều hành các hoạt động của Học viện theo quy định của pháp luật và quy chế tổ chức hoạt động của Học viện.

2. Giám đốc Học viện có các tiêu chuẩn

a) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có uy tín trong giới khoa học, giáo dục, có năng lực quản lý điều hành và đã có ít nhất 5 năm tham gia giảng dạy và quản lý giáo dục đại học.

b) Có học vị từ tiến sỹ trở lên.

c) Có sức khỏe tốt, còn trong độ tuổi bổ nhiệm theo quy định của pháp luật, của Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Nguyên tắc bổ nhiệm

a) Giám đốc Học viện được bổ nhiệm và bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ, mỗi nhiệm kỳ có thời hạn là 5 năm, không giữ chức vụ quá 10 năm.

b) Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc Học viện.

c) Quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc Học viện thực hiện theo quy định của pháp luật, của Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố.

d) Trong trường hợp cần thiết, Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố có thể tổ chức lấy phiếu thăm dò tín nhiệm đối với Giám đốc Học viện.

Điều 9. Quyền hạn và trách nhiệm của Giám đốc Học viện

1. Về tổ chức và nhân sự

a) Quyết định hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập và giải thể, tách nhập, đổi tên các tổ chức của Học viện được quy định tại Khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Điều 6 của Quy chế này.

b) Ban hành và bãi bỏ các Quy chế, nội quy, quy định trong nội bộ Học viện nhằm đảm bảo việc điều hành, kiểm tra và giám sát mọi hoạt động của Học viện theo đúng các quy định hiện hành.

c) Quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm các chức danh Trưởng, Phó các đơn vị quy định tại các Khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Điều 6 của Quy chế này.

d) Xây dựng quy hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, tổ chức việc bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ giảng viên, viên chức, nhân viên; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và tạo điều kiện cho giảng viên, viên chức, nhân viên và người học tham gia các sinh hoạt đoàn thể và hoạt động xã hội.

đ) Tổ chức tuyển dụng viên chức, quyết định việc tiếp nhận, chuyển ngạch theo thẩm quyền; tổ chức thi nâng ngạch và bổ nhiệm vào ngạch cho viên chức thực hiện theo quy định pháp luật, phù hợp với cơ cấu cán bộ, nhân viên của Học viện và tiêu chuẩn chức danh công chức, viên chức ngành giáo dục; quyết định việc tuyển dụng, cho thôi việc, chuyển công tác công chức, viên chức, ký hợp đồng lao động và thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật; quyết định nâng bậc lương thường xuyên và trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

- e) Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong các hoạt động của Học viện.
- g) Bảo đảm quyền lợi người học theo quy định của pháp luật.
- h) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về các mặt hoạt động Học viện theo quy định hiện hành.
- i) Thực hiện chế độ khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật.
- k) Đảm bảo trật tự, an ninh và an toàn trong Học viện.
- l) Tham gia Hội đồng Học viện cùng khối ngành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Về hoạt động đào tạo

- a) Tổ chức thực hiện các hoạt động đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục đại học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và Quy chế này.
- b) Xây dựng, phát triển và công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng của Học viện, công khai việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ của Học viện.

3. Về hoạt động khoa học và công nghệ

- a) Xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện và báo cáo các cơ quan có thẩm quyền.
- b) Tổ chức thực hiện các đề tài khoa học và công nghệ, phát triển công nghệ, các đề tài hợp tác quốc tế, các dự án phát triển cấp Nhà nước.
- c) Tham gia quản lý và tổ chức thực hiện các đề tài khoa học và công nghệ, phát triển công nghệ, các đề tài hợp tác quốc tế, các dự án phát triển cấp Bộ, ngành, Thành phố.
- d) Xét duyệt quản lý và nghiệm thu các đề tài khoa học và công nghệ, phát triển công nghệ, các đề tài hợp tác quốc tế, các dự án phát triển cấp Học viện.
- đ) Xây dựng, tổ chức, quản lý các nguồn thông tin khoa học và công nghệ và các dịch vụ khoa học và công nghệ.

4. Về tài chính, tài sản và đầu tư

- a) Giám đốc là chủ tài khoản của Học viện, chịu trách nhiệm trước pháp luật về quản lý tài chính và tài sản của Học viện.
- b) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện các quy định về quản lý tài chính, tài sản lao động, tiền lương, tiền công, học bổng, học phí, trợ cấp xã hội, các chế độ chính sách tài chính đối với giảng viên, cán bộ, viên chức và người học của Học viện.

c) Quyết định mức chi quản lý, chi nghiệp vụ trong phạm vi nguồn tài chính được sử dụng, tùy theo nội dung và hiệu quả công việc.

d) Quyết định đầu tư và quản lý các dự án đầu tư từ ngân sách Nhà nước theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng do Chính phủ ban hành.

đ) Căn cứ vào quy hoạch hoặc kế hoạch phát triển Học viện đã được Thành phố phê duyệt, Giám đốc Học viện chịu trách nhiệm quyết định đầu tư và phê duyệt các dự án, thủ tục xây dựng cơ bản, mua sắm, thanh lý tài sản từ nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước cấp cho hoạt động của Học viện, từ nguồn vốn thu từ các hoạt động sự nghiệp có thu và từ các nguồn thu khác.

e) Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đầu tư, mua sắm, Học viện được phép huy động các nguồn tài chính khác như vay ngân hàng và các tổ chức tín dụng, vốn góp của các tổ chức.

g) Thực hiện quyền tự chủ về tài chính theo quy định của pháp luật; công bố công khai và minh bạch về thu chi tài chính hàng năm trong Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm, trong báo cáo và trên trang thông tin điện tử của Học viện.

h) Chấp hành các quy định về kiểm toán.

i) Giám đốc Học viện có trách nhiệm thực hiện các quyết nghị hoặc kết luận của Hội đồng Học viện; cam kết thực hiện mục tiêu hàng năm, báo cáo định kỳ với Hội đồng Học viện và giải trình trước Hội đồng Học viện khi có yêu cầu.

5. Về quan hệ quốc tế

a) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quan hệ quốc tế theo quy định hiện hành. Giám đốc có quyền ký các văn bản hợp tác với các trường đại học, học viện, các tổ chức nghiên cứu và đào tạo trong nước, ngoài nước theo quy định của pháp luật.

b) Quyết định cử cán bộ từ Trưởng phòng, khoa trở xuống đi công tác ở nước ngoài trên cơ sở những quy định của Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố.

c) Quản lý các đoàn đi công tác nước ngoài và các đoàn khách quốc tế trong phạm vi hoạt động đối ngoại của Học viện theo quy định của pháp luật.

d) Định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản về công tác quan hệ quốc tế của Học viện.

Điều 10. Phó Giám đốc Học viện

1. Giúp việc cho Giám đốc Học viện có các Phó Giám đốc, Phó Giám đốc Học viện phải có học vị từ tiến sĩ trở lên, trường hợp đặt biệt có thể xem xét bổ nhiệm Phó

Giám đốc Học viện đối với những người có bằng thạc sĩ, nhưng không giao phụ trách hoạt động đào tạo, hoạt động khoa học công nghệ, có sức khỏe tốt và còn trong độ tuổi bổ nhiệm theo quy định của pháp luật, của Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố.

Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm và miễn nhiệm Phó Giám đốc theo quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm của Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Phó Giám đốc có nhiệm vụ và quyền hạn

a) Giúp Giám đốc Học viện trong công tác quản lý và điều hành các hoạt động của Học viện; trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực công tác theo sự phân công của Giám đốc Học viện và giải quyết các công việc do Giám đốc Học viện giao.

b) Khi giải quyết công việc được Giám đốc Học viện giao, Phó Giám đốc Học viện thay mặt Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Học viện và trước pháp luật về kết quả công việc được giao.

3. Thời hạn giữ chức vụ của Phó Giám đốc Học viện theo nhiệm kỳ là 5 năm, có thể bổ nhiệm lại nhưng không giữ chức vụ quá 10 năm.

4. Hàng năm, Hội đồng Học viện thực hiện đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ của Phó Giám đốc Học viện. Nếu mức độ hoàn thành nhiệm vụ là yếu kém và không có khả năng khắc phục, Hội đồng Học viện có quyền yêu cầu Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố miễn nhiệm Phó Giám đốc Học viện.

5. Trường hợp cần thiết, Hội đồng Học viện, Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố có thể tổ chức lấy phiếu thăm dò tín nhiệm đối với Phó Giám đốc Học viện giữa nhiệm kỳ hoặc đột xuất.

Điều 11. Hội đồng khoa học và đào tạo

1. Hội đồng khoa học và đào tạo được thành lập theo quyết định của Giám đốc Học viện, nhiệm kỳ của Hội đồng khoa học và đào tạo theo nhiệm kỳ của Giám đốc Học viện, Chủ tịch Hội đồng khoa học và đào tạo là Giám đốc Học viện. Hội đồng khoa học và công nghệ có số thành viên là số lẻ từ 11 đến 25 thành viên, gồm: Giám đốc Học viện, một số Phó Giám đốc Học viện, các Trưởng khoa, một số Giám đốc trung tâm, Trưởng phòng, một số giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, giảng viên, cán bộ hoạt động khoa học công nghệ của Học viện; một số nhà khoa học, giáo dục, quản lý giáo dục và đại diện một số tổ chức kinh tế - xã hội ngoài Học viện quan tâm và am hiểu về giáo dục đại học và nghiên cứu khoa học có nhiệm vụ:

- a) Xác định mục tiêu, chương trình đào tạo; thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ của Học viện;
- b) Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức và người lao động;
- c) Xây dựng đề án mở ngành, chuyên ngành đào tạo, triển khai và hủy bỏ các chương trình đào tạo;
- d) Định hướng phát triển khoa học và công nghệ, kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ, phân công thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, khoa học và công nghệ;
- đ) Đánh giá công tác quản lý, hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ của các đơn vị trong Học viện.

2. Xây dựng và sửa đổi các quy chế, quy định về đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ, tuyển dụng giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên thư viện trình Hội đồng Học viện.

3. Hội đồng khoa học và đào tạo họp ít nhất 6 tháng một lần và do Chủ tịch Hội đồng triệu tập, nội dung cuộc họp phải được thông báo trước cho tất cả các thành viên ít nhất 07 ngày; cuộc họp được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự; kết luận của cuộc họp có hiệu lực khi có trên 50% số thành viên của Hội đồng khoa học và đào tạo biểu quyết tán thành; biên bản của cuộc họp phải được trình lên Hội đồng Học viện chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày họp.

Điều 12. Hội đồng tư vấn

1. Hội đồng tư vấn có nhiệm vụ tư vấn cho Hội đồng Học viện và Giám đốc Học viện về các vấn đề có liên quan đến đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế, nhằm gắn kết đào tạo với nghiên cứu khoa học, bảo đảm Học viện hoàn thành nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học của Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố giao, đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế. Hội đồng tư vấn làm việc không hưởng lương.

2. Hội đồng tư vấn bao gồm từ 7 đến 15 thành viên ở ngoài Học viện, là những người có đóng góp tích cực cho Học viện, đặc biệt là những người hoạt động trong các lĩnh vực kinh tế, khoa học, xã hội và chính trị có liên quan đến các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ và hợp tác quốc tế của Học viện.

3. Giám đốc quyết định thành lập Hội đồng tư vấn trên cơ sở đề nghị của Hội đồng khoa học và đào tạo.

4. Tùy theo yêu cầu công việc, Chủ tịch Hội đồng, Giám đốc Học viện, có thể mời tất cả hoặc một số thành viên của Hội đồng tư vấn để tư vấn trực tiếp tại các cuộc họp hoặc tư vấn bằng văn bản.

Điều 13. Các phòng, ban chức năng

1. Chức năng, nhiệm vụ

Các phòng, ban chức năng có nhiệm vụ tham mưu và giúp Giám đốc trong việc quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện các công tác thuộc chức năng, nhiệm vụ được Giám đốc giao.

2. Trưởng, Phó Trưởng các phòng, ban

a) Trưởng các phòng, ban là người đứng đầu các phòng, ban do Giám đốc bổ nhiệm. Giúp việc cho Trưởng phòng, ban có các Phó Trưởng phòng, ban do Giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng phòng, ban.

b) Thời hạn giữ chức vụ của Trưởng, Phó Trưởng phòng, ban theo nhiệm kỳ là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại. Tiêu chuẩn bổ nhiệm Trưởng, Phó Trưởng phòng, ban theo quy định của pháp luật.

c) Hàng năm, Giám đốc Học viện đánh giá các Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng, ban về mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trường hợp cần thiết, Giám đốc Học viện có thể lấy phiếu tín nhiệm đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, ban. Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, ban không hoàn thành nhiệm vụ phải được thay thế kịp thời.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Trưởng các phòng, ban

a) Trách nhiệm

- Tham mưu và giúp Giám đốc Học viện trong việc quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện các mảng công tác được giao; chuẩn bị các phương án, kế hoạch, dự thảo các quyết định của Giám đốc Học viện trong phạm vi chức năng.

- Là đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện, hướng dẫn các đơn vị thực hiện những ý kiến chỉ đạo công tác của Giám đốc Học viện và giải quyết những công việc hàng ngày thuộc phạm vi quản lý của phòng, ban.

- Báo kết quả công tác của đơn vị cho Giám đốc Học viện theo định kỳ.

- Tổ chức theo dõi, kiểm tra cán bộ, viên chức trong đơn vị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Nhận xét, đánh giá các cán bộ và viên chức thuộc quyền.

- Đề xuất việc khen thưởng, kỷ luật cán bộ, viên chức thuộc quyền quản lý để cấp trên xem xét và quyết định.

b) Quyền hạn

- Được phân cấp ký các giấy tờ cho cán bộ, viên chức và học viên (theo quy định về ký tên và đóng dấu do Giám đốc ban hành).

- Được thừa lệnh Giám đốc Học viện để làm việc với các đơn vị nhằm giải quyết một số công việc thuộc lĩnh vực phụ trách.

- Đề nghị tuyển chọn, cho thôi việc, chuyển chuyển công tác, nâng bậc lương của cán bộ, viên chức thuộc quyền quản lý.

Điều 14. Các khoa và bộ môn trực thuộc Học viện

1. Khoa và các bộ môn trực thuộc Học viện là đơn vị quản lý hành chính cơ sở của Học viện, có trách nhiệm chủ trì và phối hợp với các phòng, ban chức năng thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch giảng dạy, học tập và tổ chức quá trình đào tạo một hoặc một số ngành; tổ chức các hoạt động giáo dục khác trong chương trình, kế hoạch giảng dạy chung của Học viện.

b) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học công nghệ; triển khai thực hiện các dự án hợp tác quốc tế; phối hợp với các tổ chức khoa học công nghệ, các doanh nghiệp; gắn hoạt động đào tạo với nghiên cứu khoa học, phát triển kinh tế xã hội.

c) Xây dựng quy hoạch, phát triển đội ngũ giảng viên. Quản lý, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên và nhân viên thuộc khoa. Quản lý người học theo quy định của Học viện.

d) Quản lý chất lượng, nội dung, phương pháp đào tạo và nghiên cứu khoa học; tổ chức biên soạn giáo trình; tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập.

đ) Đề xuất xây dựng kế hoạch phát triển, quản lý, bảo trì cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học.

2. Đứng đầu các khoa là Trưởng khoa, đứng đầu các Bộ môn là Trưởng bộ môn do Giám đốc Học viện bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giúp việc cho Trưởng khoa có các Phó Trưởng khoa, Phó Trưởng bộ môn do Giám đốc Học viện bổ nhiệm, miễn nhiệm

theo đề nghị của Trưởng khoa. Thời gian giữ chức vụ của Trưởng khoa, và Phó Trưởng khoa theo nhiệm kỳ là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại.

3. Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa được chọn trong số các giảng viên có uy tín, có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học, quản lý. Trưởng khoa phải có bằng tiến sỹ, Phó Trưởng khoa phải có bằng thạc sỹ trở lên. Riêng Phó Trưởng khoa phụ trách đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ phải có bằng tiến sỹ.

4. Trong mỗi khoa có Hội đồng khoa học và đào tạo của khoa. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng khoa học và đào tạo của khoa do Giám đốc Học viện quy định.

Điều 15. Bộ môn thuộc khoa

1. Mỗi khoa có thể có một số bộ môn. Bộ môn là đơn vị cơ sở về đào tạo, nghiên cứu khoa học của Học viện, chịu trách nhiệm về học thuật trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học.

2. Bộ môn có các nhiệm vụ

a) Chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng, tiến độ giảng dạy, học tập một số môn học trong chương trình kế hoạch giảng dạy chung của Học viện, của khoa. Có nhiệm vụ cải tiến phương pháp giảng dạy, tổ chức các hoạt động học thuật nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

b) Xây dựng và hoàn thiện nội dung, chương trình, biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo liên quan đến chuyên ngành đào tạo và môn học được khoa và Học viện giao. Việc biên soạn giáo trình tuân thủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

c) Tiến hành nghiên cứu khoa học theo kế hoạch và chiến lược phát triển Học viện, chủ động phối hợp với các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học công nghệ, nhằm gắn đào tạo, nghiên cứu khoa học với hoạt động sản xuất và đời sống xã hội, bổ sung nguồn tài chính cho Học viện.

d) Xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ giảng dạy của bộ môn; tham gia đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ thuộc chuyên ngành.

đ) Quản lý nhân sự, cơ sở vật chất, thiết bị của bộ môn.

Điều 16. Trung tâm

1. Học viện có một số trung tâm để nghiên cứu khoa học, đào tạo, phục vụ đào tạo, làm dịch vụ khoa học trực thuộc Học viện và hoạt động theo quy định của pháp luật. Quy chế hoạt động của trung tâm do Giám đốc Học viện ban hành.

2. Giám đốc Trung tâm được Giám đốc Học viện bổ nhiệm, là người đứng đầu Trung tâm và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Học viện về các mặt hoạt động của trung tâm.

Điều 17. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Học viện hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo hướng dẫn của Ban chấp hành Trung ương Đảng và Thành ủy hoặc Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố.

2. Các đoàn thể, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong Học viện hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức, có trách nhiệm góp phần thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục theo quy định của Luật Giáo dục, phù hợp với tôn chỉ mục đích, chức năng, nhiệm vụ của đoàn thể, tổ chức xã hội trong Học viện.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG, KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ

Điều 18. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng

1. Học viện đào tạo cấp đại học, trung cấp và các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ dưới hình thức chính quy, ngoài chính quy, liên kết, hợp tác quốc tế theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

2. Khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Học viện tổ chức đào tạo sau Đại học.

3. Ngoài các ngành học hiện có, Học viện có kế hoạch mở rộng các ngành đào tạo phù hợp với đặc điểm Học viện và đáp ứng yêu cầu của Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố và nhu cầu của xã hội.

4. Chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy và học tập cho các ngành đào tạo của Học viện được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, các chương trình hợp tác quốc tế.

5. Học viện thực hiện tuyển sinh, quản lý quá trình đào tạo, kiểm tra thi, đánh giá, công nhận tốt nghiệp và cấp bằng, chứng chỉ theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

6. Văn bằng

a) Học viện cấp văn bằng, chứng chỉ thuộc hệ thống văn bằng chứng chỉ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

b) Đối với chương trình hợp tác giáo dục và đào tạo (trong nước và nước ngoài), việc cấp văn bằng, chứng chỉ thực hiện theo thỏa thuận và phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 19. Hoạt động khoa học và công nghệ

1. Học viện thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, các dịch vụ tư vấn khoa học, chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực ngành nghề đào tạo theo quy định của pháp luật.

2. Học viện thành lập các trung tâm nghiên cứu và phát triển theo quy định. Học viện tổ chức quản lý hệ thống thông tin tư liệu, phát hành tập san, tạp chí và các ấn phẩm khoa học, giáo trình, tài liệu phục vụ cho các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ theo các quy định của pháp luật, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Điều 20. Hợp tác quốc tế

1. Học viện thiết lập và phát triển các quan hệ hợp tác quốc tế nhằm mục tiêu tiếp cận nhanh với các tiêu chuẩn chất lượng đào tạo quốc tế, đảm bảo sự phát triển của đội ngũ cán bộ, giảng viên và các loại hình và bậc đào tạo theo các tiêu chuẩn quốc tế, hợp tác quốc tế phải phù hợp với pháp luật nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các Điều ước Quốc tế mà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Học viện thực hiện các nhiệm vụ về hợp tác quốc tế được mời các giáo sư, các nhà khoa học, chuyên gia nước ngoài đến giảng dạy và nghiên cứu khoa học, cử cán bộ, giảng viên và người học tham quan, giảng dạy, học tập ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

Chương V

CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI HỌC

Điều 21. Trách nhiệm và quyền hạn của cán bộ, viên chức

Cán bộ, viên chức của Học viện bao gồm: Giảng viên, nghiên cứu viên và cán bộ, viên chức thuộc các ngành khác.

Cán bộ, viên chức Học viện ngoài những quyền lợi và nghĩa vụ được quy định của pháp luật còn có những trách nhiệm và quyền hạn sau:

1. Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nội quy, quy định của Học viện.

2. Hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn và các công tác khác được Học viện và đơn vị quản lý trực tiếp giao. Có nếp sống lành mạnh, không quan liêu, cửa quyền, hách dịch. Không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Tham gia xây dựng đơn vị vững mạnh, tham gia các hoạt động văn hoá, chính trị - xã hội do Học viện và đơn vị tổ chức.

4. Có ý thức tổ chức kỷ luật và trách nhiệm trong công tác; chấp hành sự điều động, phân công công tác của cấp trên; có ý thức tiết kiệm và bảo vệ của công.

5. Cán bộ viên chức được giao quản lý trực tiếp các thiết bị, tài sản của Học viện phải bồi thường một phần hay toàn bộ theo giá thị trường nếu làm hư hỏng hay làm mất các thiết bị, tài sản đó; trong trường hợp bất khả kháng thì không phải bồi thường.

6. Tham gia góp ý kiến vào việc giải quyết những vấn đề quan trọng của Học viện, những vấn đề có liên quan đến việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

7. Tham gia công tác quản lý Học viện, tham gia công tác Đảng, đoàn thể khi được tin nhiệm.

8. Được hưởng lương, phụ cấp và các quyền lợi theo quy định của Nhà nước và quy định của Học viện; được xét tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục và các phần thưởng cao quý khác; được tạo các điều kiện cần thiết để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Điều 22. Trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên

Giảng viên của Học viện ngoài những trách nhiệm và quyền hạn chung đối với cán bộ, viên chức quy định tại Điều 19 Quy chế này; các quy định trong Luật Giáo dục đại học; Điều lệ trường đại học, còn có trách nhiệm và quyền hạn như sau:

1. Trách nhiệm

a) Thực hiện các khâu giảng dạy và nghiên cứu khoa học theo Quy chế giảng dạy của Học viện.

b) Không ngừng tự bồi dưỡng về phẩm chất, đạo đức, chính trị, chuyên môn - nghiệp vụ, cải tiến phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng đào tạo; tham gia và chủ trì các đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, dịch vụ khoa học công nghệ và các hoạt động khoa học công nghệ khác.

c) Hướng dẫn, giúp đỡ người học trong học tập, nghiên cứu khoa học, rèn luyện tư tưởng, đạo đức, tác phong, lối sống.

2. Quyền hạn

a) Được đảm bảo về mặt tổ chức và vật chất kỹ thuật cho các hoạt động nghề nghiệp; được sử dụng các dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học công nghệ và dịch vụ công cộng của Học viện.

b) Được quyền lựa chọn tài liệu tham khảo, phương pháp và phương tiện giảng dạy nhằm phát huy năng lực cá nhân, bảo đảm nội dung, chương trình đã được phê duyệt, chất lượng và hiệu quả của hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ.

c) Được ký hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học công nghệ với các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu, cơ sở sản xuất và các tổ chức kinh tế khác với điều kiện đã hoàn thành nhiệm vụ được giao và được sự đồng ý của Giám đốc Học viện.

d) Được đăng ký xét công nhận, được bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó giáo sư theo quy định của Nhà nước; được Nhà nước xét tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú.

đ) Được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

e) Được tham dự các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước theo quy định.

Điều 23. Thỉnh giảng

1. Theo đề nghị của các đơn vị, Học viện mời những người đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham gia giảng dạy theo chế độ thỉnh giảng. Quy trình mời và quản lý giảng viên thỉnh giảng thực hiện theo Quy chế giảng dạy của Học viện.

2. Người được mời thỉnh giảng phải đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ nơi mình công tác.

Điều 24. Người học

1. Học viên chương trình đại học và trung cấp (chính quy và vừa làm, vừa học).

2. Học viên chương trình cao học và tiến sỹ.
3. Học viên các chương trình bồi dưỡng, đào tạo ngắn hạn.

Điều 25. Quyền của người học

1. Được cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về việc học tập.
2. Được sử dụng trang thiết bị, các phương tiện phục vụ cho hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao của Học viện theo quy định của Học viện.
3. Được tham gia nghiên cứu khoa học và rèn luyện theo chương trình của Học viện.
4. Được tham gia hoạt động đoàn thể, tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật.
5. Được hưởng chính sách chế độ của Học viện về miễn giảm học phí, về học bổng, khen thưởng.
6. Được tiếp tục học các trình độ cao hơn.

Điều 26. Nhiệm vụ của người học.

1. Học tập rèn luyện theo chương trình, kế hoạch đào tạo của Học viện.
2. Tuân thủ pháp luật, các quy chế của Học viện.
3. Tham gia lao động và hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi, sức khỏe và năng lực.
4. Đóng học phí theo quy định.
5. Giữ gìn và bảo vệ tài sản của Học viện.
6. Góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của Học viện.

Chương VI TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 27. Quản lý và sử dụng tài sản.

1. Tài sản của Học viện bao gồm đất đai, nhà cửa, công trình xây dựng, các kết quả hoạt động khoa học công nghệ, các trang thiết bị và những tài sản khác được giao cho Học viện quản lý và sử dụng hoặc do Học viện đầu tư mua sắm, xây dựng từ các hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ, sản xuất, dịch vụ, hoặc được biếu, tặng, cho, tài trợ.

2. Tài sản của Học viện thuộc sở hữu Nhà nước, được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật.

3. Ngoài việc bố trí kinh phí duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên tài sản hàng năm, Học viện có kế hoạch và bố trí kinh phí hợp lý từ nguồn thu để đầu tư bổ sung, đổi mới trang thiết bị, sửa chữa lớn, xây dựng mới và từng bước hiện đại hoá cơ sở vật chất. Việc đầu tư phát triển cơ sở vật chất phục vụ sự nghiệp đào tạo và nghiên cứu khoa học phải tuân thủ các quy định của Nhà nước.

4. Hàng năm, Học viện tổ chức kiểm kê, đánh giá lại giá trị tài sản của đơn vị và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước.

Điều 28. Các nguồn tài chính

1. Ngân sách Nhà nước

a) Kinh phí hoạt động thường xuyên của Học viện được ngân sách Nhà nước bảo đảm hoàn toàn.

b) Kinh phí thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp bộ, ngành, Thành phố; chương trình mục tiêu quốc gia; các nhiệm vụ đột xuất khác được cấp có thẩm quyền giao; kinh phí thanh toán cho Học viện theo chế độ đặt hàng để thực hiện các nhiệm vụ của Nhà nước.

c) Vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học theo dự án và kế hoạch hàng năm; vốn đối ứng do các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Nguồn thu sự nghiệp

a) Thu học phí, lệ phí từ người học theo quy định của Nhà nước.

b) Thu từ các hoạt động hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ.

c) Thu từ hoạt động sản xuất, dịch vụ.

d) Các nguồn thu sự nghiệp khác; lãi tiền gửi ngân hàng, tiền thanh lý, khấu hao tài sản mua sắm từ nguồn thu quy định tại khoản này.

3. Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật bao gồm:

a) Tài trợ, viện trợ, ủng hộ, quà tặng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

b) Vốn góp của các tổ chức để đầu tư, mở rộng và phát triển Học viện.

c) Các nguồn thu hợp pháp khác.

Điều 29. Nội dung chi của Học viện

1. Chi thường xuyên cho hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, chi phục vụ các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ của Học viện.

2. Chi hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ, thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

3. Chi thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp bộ, ngành, Thành phố; chương trình mục tiêu quốc gia, chi thực hiện đơn đặt hàng (điều tra, quy hoạch, khảo sát); chi vốn đối ứng thực hiện các dự án có vốn nước ngoài; chi thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được các cấp có thẩm quyền giao.

4. Chi đầu tư phát triển gồm: chi đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm tài sản cố định, trang thiết bị; chi thực hiện các dự án đầu tư khác theo quy định của Nhà nước.

5. Các khoản chi khác.

Điều 30. Quản lý tài chính

1. Học viện được áp dụng chế độ tài chính theo các quy định của Nhà nước về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm để thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện quản lý tài chính theo quy định của pháp luật.

Chương VII

THANH TRA, KIỂM TRA, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 31. Công tác thanh tra và kiểm tra

Học viện thực hiện việc tự thanh tra, kiểm tra trong nội bộ, giải quyết các khiếu nại, tố cáo về việc thực hiện Quy chế này, quy chế dân chủ cơ sở, quy trình tổ chức các hoạt động giáo dục và đào tạo, về quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ theo quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo. Học viện chịu sự thanh tra và kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Khen thưởng

Tập thể, cá nhân cán bộ, viên chức, sinh viên, học viên của Học viện Cán bộ Thành phố có nhiều thành tích trong hoạt động học tập, giảng dạy, hoạt động nghiên cứu khoa học, công tác chính trị - xã hội, có nhiều đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo, được khen thưởng theo quy định của Nhà nước.

2. Xử lý vi phạm

Cán bộ, viên chức, học viên có những hành vi vi phạm pháp luật và các quy định của Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương VIII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 33. Bổ sung và sửa đổi Quy chế

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện phải được xem xét và quyết định của Hội đồng Học viện sau khi tham khảo ý kiến của toàn thể cán bộ, viên chức và người lao động của Học viện.

2. Trong trường hợp những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Học viện chưa được quy định trong Quy chế này hoặc có những quy định pháp luật mới khác với nội dung của Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình thực hiện, Giám đốc Học viện có quyền kiến nghị Hội đồng Học viện xem xét bổ sung hoặc sửa đổi để Quy chế phù hợp với quy định pháp luật và thực tiễn của Học viện và sát với thực tế của Học viện trước khi trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

Điều 34. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Giám đốc Học viện quy định chi tiết việc thực hiện quy chế này./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 985/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch công tác pháp chế năm 2015
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế;

Căn cứ Chỉ thị số 09/2013/CT-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về kiện toàn và nâng cao năng lực hoạt động tổ chức pháp chế các cơ quan chuyên môn và doanh nghiệp Nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân;

Xét ý kiến của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 861/STP-TC ngày 14 tháng 02 năm 2015;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch công tác pháp chế năm 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Tất Thành Cang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Công tác pháp chế năm 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 985/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế và Chỉ thị số 09/2013/CT-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về kiện toàn và nâng cao năng lực hoạt động tổ chức pháp chế các cơ quan chuyên môn và doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Góp phần đảm bảo an toàn pháp lý trong công tác tham mưu của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; từng bước củng cố, kiện toàn, phát huy tính chủ động tích cực của tổ chức pháp chế tại các đơn vị, đảm bảo hiệu quả công tác phối hợp.

- Việc triển khai các lĩnh vực chuyên môn của công tác pháp chế phải bám sát chương trình công tác của Bộ Tư pháp và Bộ - ngành chủ quản.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật

Trong phạm vi nhiệm vụ được phân công, các Sở - ngành Thành phố chủ động triển khai Quyết định số 6550/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch Kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

2. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

- Tổ chức triển khai thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành; tiếp tục phổ biến nội dung Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2003. Theo từng lĩnh vực quản lý nhà nước, tập trung phổ biến

cho các đối tượng có liên quan về các văn bản Luật có hiệu lực năm 2015 và 2016 như: Luật Căn cước công dân, Luật Xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014, Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014, Luật Việc làm 2013, Luật Xây dựng năm 2014, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, Luật Đầu tư (sửa đổi), Luật Đầu tư công năm 2014, Luật Doanh nghiệp (sửa đổi), Luật Phá sản năm 2014, Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014, Luật sửa đổi các Luật về thuế năm 2014, các Luật mới về tổ chức bộ máy nhà nước (Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân...), Luật Công an nhân dân (sửa đổi), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam và các văn bản Luật khác thuộc chuyên ngành, lĩnh vực trọng tâm trong lĩnh vực lao động, nhà ở, đất đai, xây dựng, an toàn giao thông.

- Triển khai hoạt động xã hội hoá công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, tăng cường hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng; thường xuyên cập nhật, đăng tin, bài có nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật trên các Báo, Đài, trang thông tin điện tử, trong đó chú trọng đến các đối tượng thuộc ngành, lĩnh vực quản lý và một số nhóm đối tượng đặc thù như: người dân tộc thiểu số; người dân ở vùng ngoại ô, ven biển, ngư dân; người lao động, người sử dụng lao động trong các doanh nghiệp, khu chế xuất, khu công nghiệp; nạn nhân bạo lực gia đình và người có hành vi bạo lực gia đình; người khuyết tật; thanh thiếu niên có nguy cơ vi phạm pháp luật cao và tại các địa bàn trọng điểm, địa bàn đang đô thị hóa, ngoại thành, khu công nghiệp, khu nhà trọ, địa bàn có tỷ lệ vi phạm pháp luật, nguy cơ vi phạm pháp luật cao.

3. Công tác xây dựng pháp luật

- Chủ trì soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân Thành phố được phân công theo Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố và chuẩn bị dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố năm 2015; đảm bảo tiến độ và chất lượng dự thảo văn bản pháp quy.

- Góp ý các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của pháp luật và tổ

chức lấy ý kiến về các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

- Đề xuất chuẩn bị văn bản đưa vào chương trình lập quy năm 2016 thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý nhà nước gửi Sở Tư pháp tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét ban hành.

4. Công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

- Thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2012 - 2015 theo Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Phối hợp với Sở Tư pháp trong việc tổ chức Hội nghị Tổng kết công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

5. Công tác trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp

- Tham gia ý kiến về mặt pháp lý đối với việc bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của từng Sở - ngành.

- Tham gia ý kiến về mặt pháp lý đối với việc xử lý vi phạm của các tổ chức hành nghề trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp thuộc chức năng, phạm vi quản lý nhà nước của Sở - ngành.

- Phối hợp với Sở Tư pháp triển khai, thực hiện chế định Thừa phát lại trong phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở - ngành.

6. Công tác bồi thường Nhà nước

- Thực hiện phổ biến các quy định pháp luật của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc giải quyết bồi thường thuộc trách nhiệm của Sở ngành.

- Phối hợp với Sở Tư pháp trong việc tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện quản lý Nhà nước về công tác bồi thường trong phạm vi chuyên ngành trên địa bàn Thành phố.

7. Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và kiểm tra việc thực hiện pháp luật

- Thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý trên địa bàn Thành phố.

- Đôn đốc việc triển khai thực hiện các quy định của ngành, lĩnh vực, tổ chức kiểm tra việc thi hành pháp luật, đặc biệt là pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi quản lý.

- Tổ chức triển khai thực hiện thống kê về việc xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý của mình.

- Báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị những quy định về xử lý vi phạm hành chính liên quan đến ngành, lĩnh vực không khả thi, chồng chéo, mâu thuẫn, không phù hợp thực tiễn, kiến nghị Bộ - ngành Trung ương hoặc Bộ Tư pháp để nghiên cứu xử lý.

8. Công tác kiểm soát thủ tục hành chính

Trong phạm vi nhiệm vụ được phân công, các Sở - ngành chủ động triển khai Quyết định số 6187/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Công tác tham mưu các vấn đề pháp lý và tham gia tố tụng

- Tham gia ý kiến về mặt pháp lý đối với việc xử lý các vấn đề trong phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, có ý kiến về mặt pháp lý đối với các quy định, văn bản chỉ đạo, điều hành của Thủ trưởng cơ quan.

- Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu các vấn đề pháp lý khi tham gia tố tụng để bảo vệ lợi ích của cơ quan theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham gia xử lý, đề xuất, kiến nghị các biện pháp phòng ngừa khắc phục hậu quả các vi phạm pháp luật, nội quy, quy chế theo sự phân công của Thủ trưởng cơ quan.

- Tham mưu, đề xuất cho Ủy ban nhân dân Thành phố, góp phần tháo gỡ những khó khăn, giải quyết kịp thời các vấn đề đặt ra trong thực tiễn quản lý của Thành phố; nâng tầm về chất công tác tham mưu, tư vấn cho Ủy ban nhân dân Thành phố, nhất là trong các vụ việc liên quan đến hoạt động đầu tư, hợp tác với các đối tác nước ngoài.

10. Thực hiện báo cáo định kỳ

Theo từng lĩnh vực chuyên môn của công tác pháp chế, theo chỉ đạo của Bộ Tư pháp và Bộ - ngành chủ quản, các Sở - ngành Thành phố phối hợp với Sở Tư pháp xây dựng báo cáo gửi Sở Tư pháp tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố triển khai các nội dung Kế hoạch này đảm bảo tiến độ và chất lượng.

- Sở Tư pháp theo dõi, kiểm tra và đôn đốc thực hiện Kế hoạch này, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của các tổ chức pháp chế để Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Tư pháp xem xét, giải quyết.

- Thủ trưởng các Sở - ban, ngành Thành phố củng cố kiện toàn tổ chức pháp chế, bố trí cán bộ pháp chế đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn, có phẩm chất, năng lực để triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ công tác pháp chế năm 2015./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tất Thành Cang

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 8****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 738/QĐ-UBND

Quận 8, ngày 03 tháng 3 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công bố danh mục văn bản hết hiệu lực toàn bộ năm 2014****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp tại Tờ trình số 02/TTr-TP ngày 02 tháng 3 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Quận 8 hết hiệu lực toàn bộ năm 2014 (07 văn bản).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 8, Thủ trưởng các cơ quan,

đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Võ Văn Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 8

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2014

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/trích yếu nội dung văn bản | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|--------------------------------|-------------------|
| 01 | Nghị quyết | 12/2007/NQ-HĐND ngày 24/12/2007 | Về tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế xã hội năm 2008 của Quận 8 | Không còn đối tượng điều chỉnh | 23/01/2014 |
| 02 | Nghị quyết | 13/2007/NQ-NĐND ngày 24/12/2007 | Về điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương năm 2007; dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2008 | Không còn đối tượng điều chỉnh | 23/01/2014 |
| 03 | Nghị quyết | 01/2008/NQ-HĐND ngày 16/7/2008 | Về tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế xã hội 6 tháng đầu năm 2008 của Quận 8 | Không còn đối tượng điều chỉnh | 23/01/2014 |
| 04 | Nghị quyết | 02/2008/NQ-HĐND ngày 16/7/2008 | Về phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2007, bổ sung dự toán ngân sách năm 2008 | Không còn đối tượng điều chỉnh | 23/01/2014 |
| 05 | Quyết định | 17/2006/QĐ-UBND 10/5/2006 | Quyết định về việc ban hành quy định về lập, chấp hành, quyết toán ngân sách phường. | Bị bãi bỏ | 23/01/2014 |
| 06 | Quyết định | 46/2006/QĐ-UBND 28/12/2006 | Quyết định về việc ban hành quy định về lập, chấp hành, quyết toán ngân sách Quận 8. | Bị bãi bỏ | 23/01/2014 |
| 07 | Quyết định | 02/2008/ | Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức và | Bị bãi bỏ | 23/01/2014 |

| | | | | | |
|-----------------------------|--|----------------------|---|--|--|
| | | QĐ-UBND 12/3/2008 | hoạt động của Thanh tra Xây dựng Quận 8. | | |
| Tổng số: 07 văn bản. | | | | | |

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 12****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 332/QĐ-UBND

Quận 12, ngày 24 tháng 02 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 12 hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2014****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Tờ trình số 53/TTr-TP ngày 12 tháng 02 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 12 hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2014.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tư pháp quận,

thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 11 phường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Toàn Thắng

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN,
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12 HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ
HOẶC MỘT PHẦN NĂM 2014

*(Đính kèm theo Quyết định số: 332/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2015
của Chủ tịch UBND Quận 12)*

A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung văn bản | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|---|--|
| 01 | Quyết định | 14/2011/QĐ-UBND ngày 14/11/2011 | V/v ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn Quận 12 | Bị bãi bỏ bởi QĐ số 07/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 | Kể từ ngày QĐ số 07/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 có hiệu lực |
| 02 | Quyết định | 13/2012/QĐ-UBND ngày 10/7/2012 | Về việc sửa đổi, bổ sung Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn Quận 12 | Bị bãi bỏ bởi QĐ số 07/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 | Kể từ ngày QĐ số 07/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 có hiệu lực |

B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản/ trích yếu nội dung của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|--------------|------------------|---|---------------------------------|--------------------|-------------------|
| <i>Không</i> | | | | | |

C. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ TRƯỚC NGÀY 01/01/2014

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|--------------|------------------|--|---|--------------------|-------------------|
| <i>Không</i> | | | | | |

D. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN TRƯỚC NGÀY 01/01/2014

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|--------------|------------------|--|---|--------------------|-------------------|
| <i>Không</i> | | | | | |

CHỦ TỊCH**Nguyễn Toàn Thắng**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/QĐ-UBND

Thủ Đức, ngày 06 tháng 02 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND ngày 09/5/2014 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về quy định các nhóm hàng, mặt hàng không được kinh doanh trên một số tuyến đường xung quanh các chợ

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 30/11/2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế quận tại Tờ trình số 42/TTr-KT ngày 28 tháng 01 năm 2015 và của Trưởng phòng Nội vụ quận tại Tờ trình số 44/TTr-NV ngày 03 tháng 02 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về quy định các nhóm hàng, mặt hàng không được kinh doanh trên một số tuyến đường xung quanh các chợ.

Lý do: Nội dung của Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND không phù hợp với quy định pháp luật từ thời điểm Quyết định được ban hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Nội vụ quận, Trưởng phòng Tư pháp, Trưởng phòng Kinh tế, Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 12 phường và các tổ chức, cá nhân kinh doanh dọc theo các tuyến đường xung quanh chợ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Thanh Nhân

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 480/QĐ-UBND

Bình Chánh, ngày 27 tháng 01 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH**Về công bố danh mục văn bản hết hiệu lực toàn bộ
hoặc một phần năm 2015****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tư pháp Quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 44 /TTr-TP ngày 19 tháng 01 năm 2015 của phòng Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh ban hành hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2015 (*Đính kèm danh mục văn bản*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Huyện, Trưởng Phòng Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Tươi

DANH MỤC

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ HOẶC HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN NĂM 2015**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 480/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2015

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh)

A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2015

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; Ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi văn bản Trích yếu nội dung của văn bản | Lý do hết hiệu lực | Thời điểm hết hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|---|------------------------|
| 1 | Quyết định | 02/2014/QĐ-UBND Ngày 08/01/2014 | Về ban hành kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và ngân sách Huyện năm 2014. | Thay thế bởi Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2015. | 31/12/2014 |
| 2 | Chỉ thị | 01/2014/QĐ-UBND ngày 08/01/2014 | Về triển khai công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội, quốc phòng - an ninh và ngân sách Huyện năm 2014. | Thay thế bởi Chỉ thị số 01/2015/CT-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2015. | 31/12/2014 |

B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN NĂM 2015

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; Ngày tháng năm ban hành văn bản/ trích yếu nội dung văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|------------|-------------------------|---|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------|
| 1 | Quyết định | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Chỉ thị | 0 | 0 | 0 | 0 |

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng